

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA KINH TẾ**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

**Mã số: 8 34 04 10**

**NGHỆ AN, 2017**

## MỤC LỤC

|                                                                      | Trang |
|----------------------------------------------------------------------|-------|
| 1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                  | 1     |
| 2. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO .....                                            | 2     |
| 3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....                              | 3     |
| I. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ .....                                        | 3     |
| A. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC .....                                       | 3     |
| THỐNG KÊ ỨNG DỤNG .....                                              | 3     |
| KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO .....                                         | 8     |
| QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI .....                           | 15    |
| PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ .....                        | 20    |
| B. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN .....                                        | 25    |
| KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO .....                                       | 25    |
| KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO .....                                    | 29    |
| KỸ NĂNG QUẢN LÝ .....                                                | 38    |
| QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC .....                                         | 43    |
| QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG .....                                         | 47    |
| QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG .....                             | 52    |
| CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU CỦA THẾ KỶ XX ĐẦU THẾ KỶ XXI ..... | 56    |
| QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG .....                                            | 60    |
| II. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH .....                                | 64    |
| A. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC .....                                       | 64    |
| QUẢN LÝ TỔ CHỨC .....                                                | 64    |
| QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA .....                  | 69    |
| PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ .....                       | 73    |
| B. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN .....                                        | 78    |
| QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI .....                          | 78    |
| LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ .....                                            | 84    |
| ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT .....                                   | 88    |
| QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI .....                                            | 93    |
| QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM .....                 | 98    |
| QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC .....                                             | 102   |

# 1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT         | Mã số học phần                                   |         | Tên học phần                                                   | Khối lượng tín chỉ |           |            |
|------------|--------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|------------|
|            | Phần chữ                                         | Phần số |                                                                | Tổng số            | Lý thuyết | TH, TN, TL |
| <b>1</b>   | <b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>                      |         |                                                                | <b>07</b>          | <b>05</b> | <b>02</b>  |
|            | KTTH                                             | 701     | Triết học                                                      | 04                 | 03        | 01         |
|            | KTTA                                             | 702     | Ngoại ngữ                                                      | 03                 | 02        | 01         |
| <b>2</b>   | <b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>                      |         |                                                                | <b>24</b>          | <b>24</b> | <b>13</b>  |
| <b>2.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                     |         |                                                                | <b>12</b>          | <b>08</b> | <b>04</b>  |
|            | KTTK                                             | 703     | Thống kê ứng dụng                                              | 03                 | 02        | 01         |
|            | KTVM                                             | 704     | Kinh tế vĩ mô nâng cao                                         | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLNN                                             | 705     | Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội                           | 03                 | 02        | 01         |
|            | PPNC                                             | 706     | Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế                        | 03                 | 02        | 01         |
| <b>2.2</b> | <b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 môn)</b> |         |                                                                | <b>12/27</b>       | <b>18</b> | <b>09</b>  |
|            | KTQT                                             | 707     | Kinh tế quốc tế nâng cao                                       | 03                 | 02        | 01         |
|            | KTPT                                             | 708     | Kinh tế phát triển nâng cao                                    | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLKN                                             | 709     | Kỹ năng quản lý                                                | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLNL                                             | 710     | Quản lý nguồn nhân lực                                         | 03                 | 02        | 01         |
|            | QTCC                                             | 711     | Quản lý tài chính công                                         | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLCT                                             | 712     | Quản lý chương trình và dự án công                             | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLTB                                             | 713     | Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu của thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLKH                                             | 714     | Quản lý khủng hoảng                                            | 03                 | 02        | 01         |
| <b>3</b>   | <b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>               |         |                                                                | <b>15</b>          | <b>24</b> | <b>09</b>  |
| <b>3.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                     |         |                                                                | <b>09</b>          | <b>06</b> | <b>03</b>  |
|            | QLTC                                             | 715     | Quản lý tổ chức                                                | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLPT                                             | 716     | Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa                  | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLCS                                             | 717     | Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế                       | 03                 | 02        | 01         |
| <b>3.2</b> | <b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)</b> |         |                                                                | <b>06/18</b>       | <b>18</b> | <b>06</b>  |
|            | QLQH                                             | 718     | Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội                          | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLLD                                             | 719     | Lãnh đạo và quản lý                                            | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLXD                                             | 720     | Đàm phán và quản lý xung đột                                   | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLTD                                             | 721     | Quản lý sự thay đổi                                            | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLBV                                             | 722     | Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam                 | 03                 | 02        | 01         |
|            | QLCL                                             | 723     | Quản lý chiến lược                                             | 03                 | 02        | 01         |
| <b>4</b>   | <b>LUẬN VĂN THẠC SĨ</b>                          |         |                                                                | <b>15</b>          | <b>0</b>  | <b>15</b>  |
|            | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY</b>                  |         |                                                                | <b>61</b>          | <b>53</b> | <b>39</b>  |

## 2. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

| Học kỳ              | Nội dung thực hiện                                           | Số<br>tín chỉ |
|---------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>Học kỳ<br/>1</b> | <b>- 2 học phần chung</b>                                    | <b>7</b>      |
|                     | - Triết học                                                  | 4             |
|                     | - Ngoại ngữ                                                  | 3             |
|                     | <b>- 3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành</b>  | <b>9</b>      |
|                     | - Thống kê ứng dụng                                          | 3             |
|                     | - Kinh tế vĩ mô nâng cao                                     | 3             |
|                     | - Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội                       | 3             |
| <b>Học kỳ<br/>2</b> | <b>- 1 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành</b>  | <b>3</b>      |
|                     | - Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế                    | 3             |
|                     | <b>- 4 học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành</b>   | <b>12</b>     |
|                     | <b>- 1 học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành</b> | <b>3</b>      |
|                     | - Quản lý tổ chức                                            | 3             |
| <b>Học kỳ<br/>3</b> | <b>- 2 học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành</b> | <b>6</b>      |
|                     | - Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa              | 3             |
|                     | - Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế                   | 3             |
|                     | <b>- 2 học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành</b>  | <b>6</b>      |
|                     | <b>- Bảo vệ đề cương</b>                                     |               |
|                     |                                                              |               |
| <b>Học kỳ<br/>4</b> | <b>- Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ</b>                     | <b>15</b>     |

### **3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

#### **I. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ**

##### **A. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC**

#### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

##### **THỐNG KÊ ỨNG DỤNG**

ApplicationStatistics

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Bùi Đức Triệu  
TS. Trần Thị Bích  
TS. Nguyễn Thị Hải Yến  
NCS. Phan Thúy Thảo

**1. Tên môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG**

**2. Mã số môn học: KTTK - 703**

**3. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, khoa Kinh tế

**4. Số tín chỉ: 03**

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Học phần Thống kê ứng dụng cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế, kinh doanh và xã hội. Các phương pháp này bao gồm: thống kê mô tả, thống kê suy diễn, chỉ số, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai ...

Giới thiệu với học viên các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho các xử lý thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho học viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Học xong học phần Thống kê ứng dụng, học viên có khả năng: Nhận thức

đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của thống kê trong hoạt động quản trị, kinh doanh, phân tích kinh tế; Hiểu được các phương pháp thống kê căn bản; Chọn lựa đúng các kỹ thuật thống kê đã nhằm áp dụng giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến số liệu thống kê trong công việc một cách phù hợp; Hiểu và ứng dụng được các kết quả của phân tích thống kê; Có kỹ năng xử lý và trình bày số liệu thống kê trên các phần mềm phổ biến; Đọc thông thạo một số kết quả thống kê do các phần mềm xử lý số liệu thống kê phổ biến (như Excel, SPSS) cung cấp để phục vụ cho việc ra quyết định

## **8. Nội dung môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG\_ 3(2,1)**

### **Chương 1: Tổng quan về thống kê**

(LT/BT/TH: 2/1/6)

- 1.1 Thống kê là gì
- 1.2 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê.
- 1.3. Khái quát quá trình nghiên cứu thống kê
- 1.4. Các loại thang đo

*Giới thiệu phần mềm SPSS*

### **Chương 2: Thu thập dữ liệu thống kê**

(LT/BT/TH: 3/2/9)

- 2.1 Xác định dữ liệu cần thu thập
- 2.2 Phân loại dữ liệu
- 2.3 Các phương pháp thu thập dữ liệu ban đầu
- 2.4 Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê
- 2.5 Sai số trong điều tra thống kê

*Hướng dẫn thực hành với phần mềm Excel: tính toán cỡ mẫu*

### **Chương 3: Tóm tắt và trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị**

(LT/BT/TH: 3/1/9)

- 3.1 Tóm tắt dữ liệu bằng bảng tần số
  - 3.1.1 Bảng tần số cho dữ liệu định tính
  - 3.1.2 Bảng tần số cho dữ liệu định lượng.
- 3.2. Trình bày tóm tắt dữ liệu bằng biểu đồ thống kê.

*Hướng dẫn thực hành với phần mềm SPSS: lập bảng và vẽ đồ thị.*

### **Chương 4: Mô tả dữ liệu bằng các đặc trưng đo lường**

(LT/BT/TH: 3/2/9)

- 4.1. Số tuyệt đối, Số tương đối
- 4.2. Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung.
- 4.3. Các đặc trưng đo lường độ phân tán.

*Thực hành: Hướng dẫn cách đọc các kết quả thống kê mô tả do SPSS cung cấp*

### **Chương 5: Ước lượng**

(LT/BT/TH: 4/2/12)

- 5.1. Ước lượng điểm.
- 5.2. Ước lượng khoảng.
  - 5.2.1 Ước lượng khoảng trên một mẫu
  - 5.2.2 Ước lượng khoảng trên hai mẫu

### **Chương 6: Kiểm định giả thuyết**

(LT/BT/TH: 4/2/12)

- 6.1. Khái niệm.
- 6.2. Các loại giả thuyết
- 6.3. Kiểm định giả thuyết trên một mẫu
- 6.4. Kiểm định giả thuyết trên hai mẫu

*Thực hành: Thực hiện kiểm định giả thuyết trên phần mềm SPSS.*

Hướng dẫn cách đọc các kết quả của thủ tục ước lượng do SPSS cung cấp

### **Chương 7: Điều tra chọn mẫu**

(LT/BT/TH: 3/1/9)

- 7.1. Khái niệm điều tra chọn mẫu
- 7.2. Các bước của quá trình nghiên cứu mẫu
- 7.3. Xác định kích thước mẫu
- 7.4. Các phương pháp chọn mẫu thường dùng.

### **Chương 8: Phân tích Phương sai**

(LT/BT/TH: 2/1/6)

- 8.1. Phân tích Phương sai 1 yếu tố
- 8.2. Phân tích sâu trong phân tích Phương sai

### **Chương 9: Dây Số thời gian (DSTG)**

(LT/BT/TH: 4/2/12)

- 9.1. Định nghĩa
- 9.2. Các thành phần của DSTG
- 9.3. Các chỉ tiêu mô tả DSTG

9.4. Các phương pháp biểu hiện xu hướng biến động của hiện tượng qua DSTG

9.5. Phân tích biến động các thành phần của hiện tượng qua thời gian

9.6. Các phương pháp Dự đoán trên DSTG

9.6.1 Dựa vào lượng tăng giảm tuyệt đối trung bình

9.6.2 Dựa vào tốc độ phát triển trung bình

9.6.3 Ngoại suy hàm xu thế

9.6.4 San bằng hàm mũ đơn giản

9.6.5 San bằng hàm mũ Holt

*Thực hành*

Hướng dẫn cách đọc các kết quả dự báo trên dãy số thời gian do SPSS cung cấp để giải quyết các bài tập với bộ dữ liệu lớn và rút ra kết luận nhằm ra quyết định trong tình huống kinh doanh.

### **Chương 10: Phương pháp Chỉ Số**

(LT/BT/TH: 2/1/6)

10.1. Giới thiệu.

10.2. Chỉ số cá thể (Sinh viên tự tham khảo)

10.3. Chỉ số tổng hợp.

10.4. Vấn đề chọn quyền số của chỉ số tổng hợp (Sinh viên tự tham khảo)

10.5. Hệ thống CS

### **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung môn học</b> | <b>Phân bổ số tiết của môn học</b> |                  |               |
|-------------------------|------------------------------------|------------------|---------------|
|                         | <b>Lý thuyết</b>                   | <b>Thảo luận</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                | 2                                  | 1                | 6             |
| Chương 2                | 3                                  | 2                | 9             |
| Chương 3                | 3                                  | 1                | 9             |
| Chương 4                | 3                                  | 2                | 9             |
| Chương 5                | 4                                  | 2                | 12            |
| Chương 6                | 4                                  | 2                | 12            |
| Chương 7                | 3                                  | 1                | 9             |
| Chương 8                | 2                                  | 1                | 6             |
| Chương 9                | 4                                  | 2                | 12            |
| Chương 10               | 2                                  | 1                | 6             |

|                  |           |           |           |
|------------------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b> | <b>15</b> | <b>90</b> |
|------------------|-----------|-----------|-----------|

## **10. Học liệu**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

- 1) Bùi Đức Triệu, *Giáo trình thống kê kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế QĐ, 2007.
- 2) Nguyễn Thị Kim Thúy, *Nguyên tắc thống kê (Lý thuyết thống kê) ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất - dịch vụ*, NXB Lao động - Xã hội, 2006

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

- 1) Phan Công Nghĩa, *Giáo trình thống kê kinh tế*, NXB Giáo dục, 2002
- 2) Chu Văn Tuấn, *Bài tập lý thuyết thống kê & phân tích dữ liệu*, NXB Tài chính, 2008
- 3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2009.
- 4) Trần Bá Nhân, Đinh Thái Hoàng, *Bài tập Thống kê ứng dụng trong quản trị, kinh doanh và nghiên cứu kinh tế*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2008.
- 5) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức, 2008.

## **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

## **13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

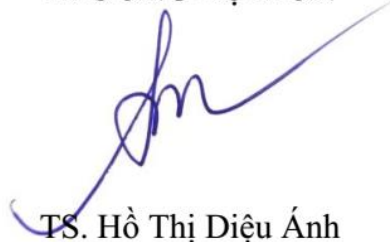
## **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO**  
Advanced Macroeconomics

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Hoài Nam  
PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng  
TS. Nguyễn Thị Hải Yến  
TS. Nguyễn Thị Minh Phượng

**1. Tên môn học: KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO**

**2. Mã số môn học: KTVM (502)**

**3. Số tín chỉ: 3 (2,1)**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt học phần:** Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp cơ sở lý luận cơ bản về kinh tế học ở tầm vĩ mô cho các môn học chuyên ngành. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

**7. Mục tiêu của học phần:**

Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, khung khổ phân tích định lượng các hiện tượng, quá trình kinh tế trên quy mô tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kiến thức toán học.

**8. Nội dung học phần:**

**Chương 1**

**KHOA HỌC KINH TẾ VĨ MÔ**

**1.1. Kinh tế vĩ mô là gì?**

**1.2. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô then chốt**

**1.3. Cấu trúc của cuốn sách**

## **Chương 2**

### **SỐ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ**

#### **2.1. Đo lường giá trị các hoạt động kinh tế**

- 2.1.1. Tổng sản phẩm trong nước
- 2.1.2. Các thước đo khác về tổng thu nhập
- 2.1.3. Các phương pháp tính GDP
- 2.1.4. GDP danh nghĩa và thực tế
- 2.1.5. Chỉ số điều chỉnh GDP
- 2.1.6. GDP và phúc lợi kinh tế

#### **2.2. Đo lường chi phí sinh hoạt**

- 2.2.1. Chỉ số giá tiêu dùng
- 2.2.2. CPI và chỉ số điều chỉnh GDP

#### **2.3. Đo lường thất nghiệp**

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Đo lường

## **Chương 3**

### **SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI VÀ PHÂN BỐ THU NHẬP QUỐC DÂN**

#### **3.1. Điều gì quyết định tổng mức sản xuất hàng hóa và dịch vụ của một nền kinh tế?**

- 3.1.1. Các nhân tố sản xuất
- 3.1.2. Hàm sản xuất
- 3.1.3. Cung về hàng hóa và dịch vụ

#### **3.2. Thu nhập quốc dân được phân phối như thế nào cho các nhân tố sản xuất?**

- 3.2.1. Điều gì quyết định giá nhân tố sản xuất?
- 3.2.2. Các quyết định mà doanh nghiệp cạnh tranh phải đối phó
- 3.2.3. Cầu của doanh nghiệp về các nhân tố sản xuất
- 3.2.4. Phân phối thu nhập quốc dân

#### **3.3. Điều gì quyết định cầu về hàng hóa và dịch vụ?**

- 3.3.1. Tiêu dùng
- 3.3.2. Đầu tư
- 3.3.3. Chi tiêu chính phủ

#### **3.4. Điều gì làm cho cung và cầu về hàng hóa và dịch vụ cân bằng**

- 3.4.1. Cân bằng trên thị trường hàng hóa và dịch vụ
- 3.4.2. Cân bằng thị trường tài chính
- 3.4.3. Sự thay đổi tiết kiệm
- 3.4.4. Sự thay đổi cầu đầu tư

## **Chương 4**

### **TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

#### **4.1. Vai trò của tích lũy tư bản**

- 4.1.1. Cung và cầu về hàng hóa
- 4.1.2. Tăng trưởng khối lượng tư bản ở trạng thái dừng
- 4.1.3. Ảnh hưởng của tiết kiệm đến tăng trưởng
- 4.1.4. Trạng thái vàng
- 4.1.5. So sánh các trạng thái dừng

#### **4.2. Tác động của tăng trưởng kinh tế**

- 4.2.1. Trạng thái dừng với tăng trưởng dân số
- 4.2.2. Ảnh hưởng của tăng trưởng dân số

#### **4.3. Tiến bộ công nghệ trong mô hình Solow**

- 4.3.1. Hiệu quả lao động
- 4.3.2. Trạng thái dừng với tiến bộ công nghệ

#### **4.4. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng**

- 4.4.1. Đánh giá tỷ lệ tiết kiệm
- 4.4.2. Phân bổ đầu tư của nền kinh tế
- 4.4.3. Khuyến khích tiến bộ công nghệ

#### **4.5. Vượt ra khỏi mô hình Solow: Lý thuyết tăng trưởng nội sinh**

- 4.5.1. Mô hình cơ bản
- 4.5.2. Mô hình hai khu vực

## **Chương 5**

### **NỀN KINH TẾ TRONG DÀI HẠN**

#### **5.1. Các luồng chu chuyển hàng hóa và vốn quốc tế**

- 5.1.1. Vai trò của xuất khẩu ròng
- 5.1.2. Luồng vốn ra nước ngoài ròng (Net capital Outflow) và cán cân thương mại (Trade Balance)

#### **5.2. Tiết kiệm và đầu tư trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa**

- 5.2.1. Vốn tự do chu chuyển và lãi suất thế giới

5.2.2. Tác động của chính sách đối với cán cân thương mại

### **5.3. Tỷ giá hối đoái**

5.3.1. Tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá hối đoái thực tế

5.3.2. Tỷ số giá hối đoái thực tế và cán cân thương mại

5.3.3. Tác động của chính sách đối với tỷ giá hối đoái thực tế

## **Chương 6**

### **MÔ HÌNH TỔNG CẦU TỔNG CUNG**

**6.1. Khoảng thời gian trong kinh tế vĩ mô**

**6.2. Mô hình tổng cầu và tổng cung**

6.2.1. Tổng cầu của nền kinh tế (Aggregate Demand: D)

6.2.2. Tổng cung của nền kinh tế (Aggregate Supply - AS)

6.2.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá

**6.3. Hai nguyên nhân gây ra biến động kinh tế**

6.3.1. Các cú sốc cầu

6.3.2. Các cú sốc cung

## **Chương 7**

### **TỔNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ ĐÓNG**

**7.1. Thị trường hàng hóa và đường IS**

7.1.1. Mô hình giao điểm Keynes

7.1.2. Lãi suất, đầu tư và đường IS

7.1.3. Độ dốc của đường IS

**7.2. Thị trường tiền tệ và đường LM**

7.2.1. Lý thuyết ưa thích thanh khoản

7.2.2. Thu nhập, cầu tiền và đường LM

7.2.3. Độ dốc của đường LM

7.2.4. Vị trí của đường LM

**7.3. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ**

**7.4. Giải thích những biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM**

7.4.1. Chính sách tài khóa và sự dịch chuyển đường IS

7.4.2. Hiện tượng lẩn át đầu tư và hiệu quả của chính sách tài khóa

7.4.3. Chính sách tiền tệ và sự dịch chuyển đường LM

**7.5. Mô hình IS-LM với tư cách là lý thuyết về tổng cầu**

7.5.1. Từ mô hình IS-LM đến đường tổng cầu

7.5.2. Chính sách tài khóa - tiền tệ và sự dịch chuyển đường tổng cầu

## **Chương 8**

### **TỔNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ MỎ**

#### **8.1. Mô hình Mundell- Fleming**

8.1.1. Giả thiết then chốt: Nền kinh tế nhỏ, mở cửa với vốn tự do chu chuyển

8.1.2. Thị trường hàng hóa và đường IS\*

8.1.3. Thị trường tiền tệ và đường LM\*

8.1.4. Cân bằng chung trên các thị trường

#### **8.2. Nền kinh tế nhỏ, mở trong điều kiện tỷ giá thả nổi**

8.2.1. Chính sách tài khóa

8.2.2. Chính sách tiền tệ

8.2.3. Chính sách thương mại

#### **8.3. Nền kinh tế nhỏ, mở cửa trong điều kiện tỷ giá cố định**

8.3.1. Hệ thống tỷ giá hối đoái cố định hoạt động như thế nào?

8.3.2. Chính sách tài khóa

8.3.3. Chính sách tiền tệ

8.3.4. Chính sách thương mại

#### **8.4. Sự khác biệt lãi suất giữa các nước**

8.4.1. Rủi ro và kỳ vọng về tỷ giá hối đoái

8.4.2. Sự khác biệt lãi suất trong mô hình Mudell-Fleming

#### **8.5. Tỷ giá nên thả nổi hay cố định?**

## **Chương 9**

### **SỰ ĐÁNH ĐỔI NGẮN HẠN GIỮA LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP**

#### **9.1. Nguồn gốc của Đường Phillips**

#### **9.2. Xây dựng đường Phillips từ đường tổng cung**

#### **9.3. Sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn**

#### **9.4. Chi phí của chính sách giảm lạm phát**

## **Chương 10**

### **CHÍNH SÁCH ỔN ĐỊNH**

#### **10.1. Chính sách nên chủ động hay bị động?**

10.1.1. Sự chậm trễ trong việc lập và phát huy tác dụng của các chính sách

10.1.2. Dự đoán kinh tế là một công việc khó khăn

10.1.3. Kỳ vọng và phê phán của Lucas

## **10.2. Các chính sách nên thực hiện theo quy tắc hay tùy nghi?**

10.2.1. Mất niềm tin vào các nhà hoạch định chính sách và quá trình chính trị

10.2.2. Tính bất nhất của chính sách tùy nghi

10.2.3. Các quy tắc cho chính sách tiền tệ

10.2.4. Các quy tắc cho chính sách tài khóa

## **Chương 11**

### **THÂM HỤT NGÂN SÁCH VÀ NỢ CHÍNH PHỦ**

#### **11.1. Các vấn đề phát sinh trong việc đo lường thâm hụt ngân sách**

11.1.1. Lạm phát

11.1.2. Sự thay đổi tài sản

11.1.3. Các khoản nợ không được tính

11.1.4. Chu kỳ kinh doanh

#### **11.2. Quan điểm truyền thông về nợ chính phủ**

11.2.1. Logic cơ bản của tương đương Ri-các-đô

11.2.2. Người tiêu dùng và thuế tương lai

11.2.3. Sự thiên cận

11.3.3. Sự hạn chế vay nợ

11.3.4. Các thể hệ tương lai

## **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung học phần</b> | <b>Phân bổ số tiết của môn học</b> |                  |               |
|--------------------------|------------------------------------|------------------|---------------|
|                          | <b>Lý thuyết</b>                   | <b>Thảo luận</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                 | 2                                  | 2                | 6             |
| Chương 2                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 3                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 4                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 5                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 6                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 7                 | 3                                  | 3                | 9             |
| Chương 8                 | 4                                  | 4                | 12            |
| Chương 9                 | 2                                  | 2                | 6             |
| Chương 10                | 2                                  | 2                | 6             |
| Chương 11                | 2                                  | 2                | 6             |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>30</b>                          | <b>30</b>        | <b>90</b>     |

## **10. Học liệu:**

### **10.1. Giáo trình chính**

1. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, *Kinh tế học vĩ mô*, Nxb Thống kê, 2003.
2. Vũ Thu Giang, Phạm Thị Kiều Thu, Nguyễn Văn Công, *Bài tập kinh tế vĩ mô: Tóm tắt nội dung - bài tập - đáp án*, Nxb Thống kê, 2003.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Văn Công, (2010), *Bài giảng và thực hành kinh tế vĩ mô II*, Nxb lao động.
2. PGS.TS. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (Đồng chủ biên), (2013), *Giáo trình kinh tế học tập ( II)*, Nxb Đại học KTQD Hà Nội.
3. Trần Quang Lâm, *Tập bài giảng Kinh tế vĩ mô (dùng cho CH và NCS)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003.

## **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 10%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 20%
- Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận: 70%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

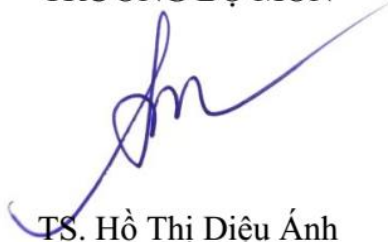
**14. Cấp phê duyệt:**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI**  
State management of economic and social

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  
NCS. Đào Quang Thắng  
TS. Nguyễn Hoài Nam

**1. Tên môn học:** QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 3 (2, 1)

**2. Mã số môn học:** QLNN (503)

**3. Số tín chỉ:** 3 (2,1)

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt học phần:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của QLNN về kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh tiếp tục thúc đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

**7. Mục tiêu của học phần:** Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế của Đảng, nhà nước ta trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

**8. Nội dung học phần:**

**Chương 1**

**VAI TRÒ KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ  
TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUỐC GIA**

1.1. Vai trò kinh tế của nhà nước trong quá trình phát triển

1.1.1. Nhà nước và vai trò kinh tế của nhà nước

1.1.2. Quan hệ giữa vai trò kinh tế của nhà nước với các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội khác

1.2. Vai trò quản lý nhà nước về kinh tế

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý nhà nước về kinh tế

- 1.2.2. Xu hướng tăng cường vai trò QLNN về kinh tế
- 1.2.3. QLNN về kinh tế - nhân tố của ổn định và tăng trưởng kinh tế - xã hội quốc gia
- 1.3. Quá trình đổi mới và quan điểm đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam
  - 1.3.1. Quá trình đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam
  - 1.3.2. Thực trạng QLNN về kinh tế ở nước ta
  - 1.3.3. Quan điểm đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam

## **Chương 2**

### **CHỨC NĂNG VÀ NỘI DUNG CỦA QLNN VỀ KINH TẾ**

- 2.1. Khái quát về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế
  - 2.1.1. Khái niệm, vai trò của chức năng QLNN về kinh tế
  - 2.1.2. Các chức năng cơ bản của QLNN về kinh tế
    - 2.1.2.1. Tạo môi trường cho nền kinh tế hoạt động
    - 2.1.2.2. Định hướng, hướng dẫn
    - 2.1.2.3. Tổ chức thực hiện
    - 2.1.2.4. Điều tiết nền kinh tế
    - 2.1.2.5. Kiểm tra, kiểm soát
  - 2.1.3. Việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở các nước kinh tế phát triển
  - 2.1.4. Việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Nội dung chủ yếu của QLNN về kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
  - 2.2.1. Khái quát những nội dung chủ yếu của QLNN về kinh tế
  - 2.2.2. Phương hướng đổi mới nội dung QLNN về kinh tế ở Việt Nam

## **Chương 3**

### **HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

- 3.1. Khái niệm hệ thống tổ chức QLNN về kinh tế
  - 3.1.1. Cơ sở lý thuyết để xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế
  - 3.1.2. Căn cứ thực tiễn xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam
- 3.2. Các mô hình tổ chức QLNN về kinh tế
  - 3.2.1. Các mô hình tổ chức

- 3.2.2. Ưu, nhược điểm của mỗi mô hình
- 3.3. Vận dụng vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tổ chức QLNN về kinh tế ở nước ta
  - 3.3.1. Xây dựng các cơ quan quản lý ngành
  - 3.3.2. Xây dựng các cơ quan quản lý theo địa phương
  - 3.3.3 Cải cách hành chính và lề lối làm việc

## **Chương 4**

### **ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

- 4.1. Khái niệm và phân loại công chức QLNN về kinh tế
  - 4.1.1. Khái niệm công chức QLNN về kinh tế
  - 4.1.2. Phân loại công chức QLNN về kinh tế
- 4.2. Những yêu cầu, tiêu chuẩn của công chức QLNN về kinh tế
  - 4.2.1. Yêu cầu
  - 4.2.2. Tiêu chuẩn
- 4.3. Thực trạng đội ngũ công chức QLNN về kinh tế ở nước ta
  - 4.3.1. Quá trình hình thành, phát triển
  - 4.3.2. Những vấn đề đặt ra
  - 4.3.3. Nguyên nhân
- 4.4. Phương hướng, giải pháp cơ bản xây dựng đội ngũ công chức QLNN về kinh tế ở nước ta phù hợp với vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường
  - 4.4.1. Phương hướng
  - 4.4.2. Giải pháp

## **Chương 5**

### **THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

- 5.1. Thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 5.1.1. Khái niệm và vai trò của thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 5.1.2. Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 5.1.3. Các loại thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 5.1.4. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
- 5.2. Quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 5.2.1. Khái niệm và các loại hình quyết định quản lý Nhà nước
  - 5.2.2. Yêu cầu đối với quyết định Nhà nước

- 5.2.3. Căn cứ ra quyết định
- 5.2.4. Quá trình quyết định
- 5.2.5. Các phương pháp và kỹ thuật quyết định
- 5.3. Văn bản quản lý Nhà nước
  - 5.3.1. Khái niệm và vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan Nhà nước
  - 5.3.2. Các loại hình văn bản quản lý Nhà nước

## **Chương 6**

### **HỆ THỐNG CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

- 6.1. Tổng quan về hệ thống công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 6.1.1. Khái niệm
  - 6.1.2. Vai trò và đặc điểm
  - 6.1.3. Các công cụ chủ yếu trong quản lý Nhà nước về kinh tế
  - 6.2.4. Phối hợp và vận dụng các công cụ trong quản lý Nhà nước về kinh tế
- 6.2. Phương hướng, giải pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế ở nước ta
  - 6.3.1. Phương hướng
  - 6.3.2. Giải pháp chủ yếu

### **9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung học phần | Phân bổ số tiết của học phần |           |           |
|-------------------|------------------------------|-----------|-----------|
|                   | Lý thuyết                    | Thảo luận | Tự học    |
| Chương 1          | 4                            | 4         | 12        |
| Chương 2          | 6                            | 6         | 18        |
| Chương 3          | 4                            | 4         | 12        |
| Chương 4          | 6                            | 6         | 18        |
| Chương 5          | 6                            | 6         | 18        |
| Chương 6          | 4                            | 4         | 12        |
| <b>Tổng cộng:</b> | <b>30</b>                    | <b>30</b> | <b>90</b> |

## **10. Học liệu**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu, *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.
2. Học viện Hành chính quốc gia, *Giáo trình về Quản lý hành chính nhà nước*

(tập 1), NXB Giáo dục, 1994.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Văn Chơn, *Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh trong xây dựng*, Nxb Thống kê, 2004
2. Đinh Ngọc Thắng, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Vinh, 2011.
3. *Nhà nước và các công cụ kinh tế vĩ mô*, Nxb Thống kê, Hà Nội. 1995.
4. Phạm Viết Vượng, *Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo*, NXB Đại học Sư phạm, 2008
5. Vũ Hoài Nam, *Tìm hiểu về ngạch cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước*, NXB Tư pháp, 2012.
6. Thái Vĩnh Thắng, *Tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước*, NXB Tư pháp, 2011.
7. Khoa Khoa học quản lý, Đại học Kinh tế quốc dân, *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.
8. Vũ Kim Dũng, *Giáo trình kinh tế quản lý*, Nxb Thống kê, 2003.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*.

### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận: 50%

### **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

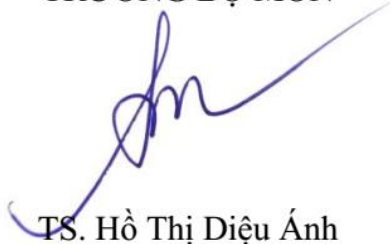
### **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ**  
Scientific research methods of economic activity

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Thị Minh Phượng  
TS. Đinh Trung Thành  
PGS.TS. Bùi Văn Dũng  
PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng

**1. Tên môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ**  
**\_ 3 (2,1)**

**2. Mã số môn học:** PPNC (504)

**3. Số tín chỉ : 3 (2,1)**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt học phần:** Vị trí học phần: học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Quản lý kinh tế. Trang bị những phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung; kỹ năng tiếp cận các vấn đề kinh tế; giới thiệu các phương pháp định tính và định lượng, kỹ năng xử lý và phân tích số liệu; thiết bị hiện đại trợ giúp nghiên cứu khoa học cơ bản; thiết kế các mô hình phân tích kinh tế; xử lý thông tin trợ giúp của nhiều công cụ hiện đại.

**7. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị kiến thức, bồi dưỡng phương pháp, rèn luyện kỹ năng

+ Kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức về Bản chất của quá trình nghiên cứu khoa học; Các bước thiết kế nghiên cứu; Cách thức thu thập và xử lý số liệu; Cách thức viết báo cáo nghiên cứu;

+ Kỹ năng: Thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong khoa học kinh tế; Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán; Thiết lập câu hỏi điều tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu; Kỹ năng thuyết trình trước đám đông

+ Thái độ, chuyên cần: Làm cho Học viên say mê nghiên cứu khoa học; Có thái độ trân trọng, niềm tin đối với các nhà khoa học và các công trình nghiên cứu, có ý thức đề cao các ứng dụng khoa học; Hăng say học tập, nghiên cứu khoa học.

## **8. Nội dung học phần:**

### **Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ**

#### **1.1. Các khái niệm về khoa học và nghiên cứu**

#### **1.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học kinh tế**

#### **1.3. Các loại nghiên cứu**

#### **1.4. Phạm vi và vai trò của nghiên cứu kinh tế**

#### **1.5. Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu kinh tế**

1.5.1. Vai trò vị trí, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học

1.5.2. Các bước tiến hành nghiên cứu

### **Chương 2. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

#### **2.1. Kỹ năng xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu**

2.1.1. Tầm quan trọng của việc xác định đúng vấn đề

2.1.2. Những xem xét khi lựa chọn vấn đề nghiên cứu

#### **2.2. Cách thiết lập câu hỏi và giả thiết nghiên cứu**

#### **2.3. Các bước xác lập đề tài nghiên cứu**

#### **2.4. Đặt tên đề tài**

(Hướng dẫn Học viên xác định ý tưởng, chủ đề nghiên cứu của từng nhóm)

### **Chương 3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU**

#### **3.1. Các loại dữ liệu, số liệu**

#### **3.2. Các phương pháp thu thập dữ liệu**

3.2.1. Xác định dữ liệu cần thu thập

3.2.2. Phân loại dữ liệu

3.2.3. Các phương pháp thu thập

#### **3.3. Các phương pháp trình bày dữ liệu**

3.3.1. Phương pháp phân tổ

3.3.2. Phương pháp bảng thống kê

3.3.3. Phương pháp đồ thị

3.3.4. Hoạt động nhóm chuyên gia

## **Chương 4. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DỮ LIỆU**

### **4.1. Những yêu cầu trong phân tích**

### **4.2. Các đại lượng đo lường**

### **4.3. Các phương pháp phân tích**

- 4.2.1. Phương pháp so sánh
- 4.2.2. Phương pháp dãy số
- 4.2.3. Phương pháp thay thế liên hoàn
- 4.2.4. Phương pháp tính số chênh lệch
- 4.2.5. Phương pháp chỉ số

## **Chương 5. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÁO CÁO KHOA HỌC**

### **5.1. Quá trình viết báo cáo nghiên cứu**

- 5.1.1. Lên kế hoạch viết báo cáo nghiên cứu
- 5.1.2. Thiết kế báo cáo
- 5.1.3. Cơ cấu bài viết
- 5.1.4. Lựa chọn phong cách viết
- 5.1.5. Lên thời gian biểu viết báo cáo

### **5.2. Nội dung của báo cáo nghiên cứu**

- 5.2.1. Lời giới thiệu
- 5.2.2. Những vấn đề chung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu
- 5.2.3. Phương pháp nghiên cứu

### **5.3. Trình bày báo cáo nghiên cứu**

- 5.3.1. Xét duyệt đề cương và hướng dẫn chỉnh sửa phiếu phỏng vấn nghiên cứu của nhóm Học viên;
- 5.3.2. Nhóm Học viên trình bày đề cương và bảng câu hỏi
- 5.3.3. Trình bày các dữ liệu định tính
- 5.3.4. Trình bày các dữ liệu định lượng

### **5.4. Trình bày kết quả nghiên cứu**

- 5.4.1. Phân tích môi trường
- 5.4.2. Xem xét các lựa chọn
- 5.4.3. Xây dựng bài trình bày
- 5.4.4. Truyền đạt thông điệp
- 5.4.5. Đánh giá sự phản hồi

### **5.5. Giới thiệu các quy định và hướng dẫn thực hiện luận văn thạc sĩ của Bộ**

giáo dục và đào tạo, của Nhà trường, của Khoa

**9. Hình thức tổ chức dạy học:**

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 5                           | 3                        | 30        |
| Chương 2         | 6                           | 3                        | 12        |
| Chương 3         | 6                           | 3                        | 12        |
| Chương 4         | 7                           | 3                        | 24        |
| Chương 5         | 6                           | 3                        | 12        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

**10. Học liệu**

**10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Đặng Kim Cương, *Phương pháp viết báo cáo tốt nghiệp*, Nxb Giao thông vận tải, 2008.
2. Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Thế giới, 2008.

**10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Cành, *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2004.
2. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2005.
3. Mark Saunders, Philip Lewis, Adirian Thornhill, *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, Nxb Tài chính, 2010.
4. Trung Nguyên, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giao thông vận tải, 2008.
5. Nguyễn Văn Lê, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Trẻ, 2001.
6. Phạm Lan Phương, *Phương pháp nghiên cứu khoa học và chuẩn bị luận văn tốt nghiệp cho Học viên*, Nxb Đại học Quốc gia, 2002.
7. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Thống kê.
8. Các mẫu đề tài, luận văn tốt nghiệp đại học, cao học.
9. Các văn bản, thông tư, quy định hướng dẫn thực hiện làm luận văn Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và đào tạo, của Trường, của khoa Kinh tế.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **B. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN**

### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO** International economic integration

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Đinh Trung Thành  
NCS. Nguyễn Thế Lâm  
PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng

- 1. Tên môn học: KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO**
- 2. Mã số môn học: KTQT (505)**
- 3. Số tín chỉ: 3 (2,1)**
- 4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, khoa Kinh tế
- 5. Phân bổ thời gian:**
  - Lý thuyết: 30 tiết
  - Thực hành, Xemina, bài tập: 30 tiết
  - Tự học: 90 giờ
- 6. Mô tả tóm tắt học phần:** Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.
- 7. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị những tri thức kinh tế cơ bản về các lý luận kinh tế trong giao dịch quốc tế, kinh tế đối ngoại. Học viên phải có kiến thức về Kinh tế học vĩ mô và vi mô; kiến thức về ngoại thương, quan hệ kinh tế đối ngoại.
- 8. Nội dung học phần:**

#### **Chương 1**

### **TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ CÁC LÝ THUYẾT VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

#### **1.1. Tổng quan về thương mại quốc tế**

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.2. Phương pháp nghiên cứu

## **1.2. Lý thuyết thương mại quốc tế**

1.2.1. Lý thuyết của chủ nghĩa trọng thương

1.2.2. Lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển

1.2.2.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith

1.2.2.2. Lý thuyết về lợi thế tương đối của D. Ricardo

1.2.2.3. Lý thuyết tương quan các nhân tố của Eli Heckscher và Beertil Ohlin (Học thuyết H - O)

1.2.3. Lý thuyết thương mại quốc tế hiện đại

1.2.3.1. Lý thuyết chu kỳ sống sản phẩm

1.2.3.2. Lợi thế theo quy mô

1.2.3.3. Chi phí vận tải quốc tế

1.2.3.4. Lý thuyết về cạnh tranh

## **Chương 2**

### **CÁC CÔNG CỤ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

#### **2.1. Hàng rào thuế quan và các công cụ khác**

2.1.1. Phân tích chi phí - lợi ích của thuế quan

2.1.2. Chính sách bảo hộ thuế quan

2.1.3. Một số công cụ khác (quota, trợ cấp...)

#### **2.2. Hàng rào phi thuế quan**

2.2.1. Sự cần thiết của hàng rào phi thuế quan

2.2.2. Các loại hàng rào phi thuế quan và tác động của chúng

#### **2.3. Chính sách thương mại của các nước đang phát triển**

2.3.1. Bảo hộ hay mở cửa nền kinh tế

2.3.2. Đàm phán giữa các nước đang phát triển và phát triển

## **Chương 3**

### **TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

#### **3.1. Tỷ giá hối đoái**

3.1.1. Khái niệm về tỷ giá hối đoái

3.1.2. Các loại hình tỷ giá hối đoái

### **3.2. Phân tích chính sách tỷ giá trong thương mại quốc tế**

3.2.1. Tương quan giữa tỷ giá và hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư quốc tế

3.2.2. Can thiệp tỷ giá trong chính sách thương mại, đầu tư

## **Chương 4**

### **VIỆT NAM TRONG NỀN KINH TẾ MỞ HỘI NHẬP**

#### **4.1. Kinh tế quốc tế nâng cao của Việt Nam**

4.1.1. Thời cơ

4.1.2. Thách thức

#### **4.2. Thực trạng ngoại thương Việt Nam**

4.2.1. Hoạt động xuất khẩu

4.2.2. Hoạt động nhập khẩu

4.2.3. Cán cân thương mại quốc tế và cán cân thanh toán

#### **4.3. Những định hướng phát triển**

### **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung học phần</b> | <b>Phân bổ số tiết của học phần</b> |                  |               |
|--------------------------|-------------------------------------|------------------|---------------|
|                          | <b>Lý thuyết</b>                    | <b>Thảo luận</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                 | 8                                   | 8                | 24            |
| Chương 2                 | 8                                   | 8                | 24            |
| Chương 3                 | 6                                   | 6                | 18            |
| Chương 4                 | 8                                   | 8                | 24            |
| <b>Tổng cộng:</b>        | <b>30</b>                           | <b>30</b>        | <b>90</b>     |

### **10. Học liệu**

#### ***10.1. Tài liệu tham khảo chính***

1. Đỗ Đức Bình, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Lao động xã hội, 2004.

2. TS. Ngô Văn Diễm, *Toàn cầu hóa kinh tế và Kinh tế quốc tế nâng cao của Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2004.

#### ***10.2. Tài liệu tham khảo***

1. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Thương mại quốc tế, *Giáo trình Thương mại quốc tế*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007.

2. Giáo sư, tiến sĩ Võ Thanh Thu, *Kinh tế đối ngoại*, Nxb Thống kê, 1995.

3. Krugman.P.R. *Kinh tế học quốc tế: lý thuyết và chính sách*, Nxb Chính trị

Quốc gia 1996.

4. Argy. V. *International Macroeconomics: theory and policy*. New York 1994.

5. Trần Anh Phương, 1997, *Quan hệ giữa ngoại thương với tăng trưởng và phát triển nền kinh tế mở*, Nxb Khoa học xã hội.

6. Nguyễn Thị Hiền, *Hội nhập kinh tế khu vực của một số nước Asean*: Sách tham khảo, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO**  
Enhancing economic development

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Thị Minh Phượng  
TS. Nguyễn Thị Thúy Vinh  
TS. Nguyễn Thị Bích Liên  
NCS. Nguyễn Thế Lâm

**1. Tên môn học: KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO**

**2. Mã số môn học: KTPT (506)**

**3. Số tín chỉ: 3 (2,1)**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt học phần:** Thuộc học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

**7. Mục tiêu của học phần:**

- *Về kiến thức:* Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển.
- *Về phương pháp, kỹ năng:* giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.
- *Về ý thức, tư tưởng:* nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

## **8. Nội dung học phần:**

### **Chương 1**

## **TỔNG QUAN CHUNG VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

### **1.1. Bản chất cơ bản của tăng trưởng và phát triển kinh tế**

#### **1.1.1 Tăng trưởng kinh tế**

##### **1.1.1.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế**

1.1.1.2. Tính hai mặt của tăng trưởng (mặt số lượng và mặt chất lượng của tăng trưởng)

#### **1.1.2. Phát triển kinh tế**

##### **1.1.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế**

##### **1.1.2.2. Các nội dung của phát triển kinh tế**

- Sự gia tăng tổng mức thu nhập và thu nhập bình quân đầu người
- Sự biến đổi theo đúng xu thế của cơ cấu kinh tế
- Sự biến đổi ngày càng tốt hơn trong các vấn đề xã hội.

### **1.2. Đánh giá phát triển kinh tế**

#### **1.2.1. Tổng giá trị sản xuất GO**

#### **1.2.2. Tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP)**

#### **1.2.3. Tổng thu nhập quốc dân (GNI)**

#### **1.2.4. Thu nhập quốc dân (NI)**

#### **1.2.5. Thu nhập quốc dân sử dụng (NDI)**

#### **1.2.6. Thu nhập bình quân đầu người**

#### **1.2.7. Các loại giá để tính các chỉ tiêu tăng trưởng**

### **1.3. Đánh giá cơ cấu**

#### **1.3.1. Cơ cấu ngành**

#### **1.3.2. Cơ cấu vùng**

#### **1.3.3. Cơ cấu thành phần kinh tế**

#### **1.3.4. Cơ cấu tái sản xuất**

#### **1.3.5. Cơ cấu thương mại quốc tế**

### **1.4. Đánh giá sự phát triển xã hội**

#### **1.4.1. Một số chỉ tiêu phản ánh nhu cầu cơ bản của con người**

#### **1.4.2. Chỉ số phát triển con người (HDI)**

#### **1.4.3. Các chỉ tiêu đánh giá bất bình đẳng (về kinh tế và xã hội)**

#### **1.4.4. Các chỉ tiêu đánh giá nghèo khổ**

## **1.5. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng và phát triển**

### **1.5.1. Các nhân tố kinh tế**

#### **1.5.1.1. Các nhân tố tác động trực tiếp đến tổng cung (AS)**

#### **1.5.1.2. Các nhân tố tác động trực tiếp đến tổng cầu (AD)**

### **1.5.2. Các nhân tố phi kinh tế**

#### **1.5.2.1. Đặc điểm văn hóa xã hội**

#### **1.5.2.2. Thể chế chính trị - kinh tế - xã hội**

#### **1.5.2.3. Cơ cấu dân tộc**

#### **1.5.2.4. Cơ cấu tôn giáo...**

## **Chương 2**

## **MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

### **2.1. Lý thuyết cổ điển về tăng trưởng và phát triển**

#### **2.1.1. Xuất phát điểm của mô hình**

#### **2.1.2. Các yếu tố tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ giữa chúng**

#### **2.1.3. Phân chia các nhóm người trong xã hội và thu nhập của những nhóm người này**

#### **2.1.4. Quan hệ cung - cầu và vai trò của chính sách kinh tế với tăng trưởng.**

### **2.2. Lý thuyết của trường phái Keynes về tăng trưởng và phát triển**

#### **2.2.1. Lý thuyết của Keynes về tăng trưởng kinh tế**

##### **2.2.1.1. Sự cân bằng của nền kinh tế**

##### **2.2.1.2. Vai trò của tổng cầu trong việc xác định sản lượng**

##### **2.2.1.3. Vai trò của chính sách kinh tế tới tăng trưởng**

#### **2.2.2. Mô hình Harrod - Domar**

##### **2.2.2.1. Mô hình Harrod và sự tăng trưởng không bền vững**

##### **2.2.2.2. Mô hình Domar với hai chức năng của đầu tư**

##### **2.2.2.3. Ý nghĩa thực tiễn của mô hình Harrod - Domar**

##### **2.2.2.4. Sự phê phán mô hình Harrod - Domar của trường phái Tân cổ điển.**

### **2.3. Lý thuyết của Tân cổ điển về tăng trưởng và phát triển**

#### **2.3.1. Cấu trúc cơ bản và những giả định của mô hình tăng trưởng kinh tế Tân cổ điển**

##### **2.3.1.1. Các dạng tiến bộ công nghệ**

##### **2.3.1.2. Hàm sản xuất**

- 2.3.1.3. Tăng trưởng lực lượng lao động và tiến bộ công nghệ
- 2.3.1.4. Đầu tư và sự hình thành tư bản
- 2.3.2. Động thái của vốn
  - 2.3.2.1. Xác định tỷ lệ vốn - lao động hiệu quả cân bằng
  - 2.3.2.2. Tốc độ tăng của vốn và sản lượng bình quân lao động hiệu quả cân bằng
- 2.3.3. Tác động của sự thay đổi các tham số trong mô hình
  - 2.3.3.1. Khi tốc độ gia tăng dân số thay đổi
  - 2.3.3.2. Khi tỷ lệ tiết kiệm thay đổi
- 2.3.4. Quy tắc vàng của tích lũy vốn và tính không hiệu quả động
  - 2.3.4.1. Các đường tăng trưởng cân đối
  - 2.3.4.2. Quy tắc vàng của tích lũy vốn
  - 2.3.4.3. Các cách giải thích quy tắc vàng của tích lũy vốn
  - 2.3.4.4. Sự không hiệu quả động
- 2.3.5. Sự hội tụ của các nền kinh tế
  - 2.3.5.1. Hội tụ tuyệt đối
  - 2.3.5.2. Hội tụ có điều kiện
- 2.3.6. Hạn chế của lý thuyết tăng trưởng Tân cổ điển
- 2.4. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh**
  - 2.4.1. Mô hình học hỏi (Learning by Doing Model) của Arrow
    - 2.4.1.1. Động thái của vốn và sản lượng
    - 2.4.1.2. Mô hình học hỏi được sửa đổi
    - 2.4.1.3. Các tính chất của mô hình học hỏi có sửa đổi
  - 2.4.2. Mô hình R&D (Research and Development Model)
    - 2.4.2.1. Các giả thiết của mô hình
    - 2.4.2.2. Mô hình không có vốn
    - 2.4.2.3. Trường hợp tổng quát
  - 2.4.3. Mô hình Mankiw - Romer - Weil
  - 2.4.4. Mô hình AK
  - 2.4.5. Mô hình “học hay làm” (Learning or Doing Model)
  - 2.4.6. Ý nghĩa của các mô hình tăng trưởng kinh tế nội sinh

### **Chương 3**

## **CÁC NGUỒN LỰC VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

### **3.1. Lao động với tăng trưởng và phát triển kinh tế**

#### 3.1.1. Nguồn lao động và lực lượng lao động

##### 3.1.1.1. Nguồn lao động

##### 3.1.1.2. Lực lượng lao động

#### 3.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng lao động

##### 3.1.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến số lượng lao động

##### 3.1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng lao động

#### 3.1.3. Vai trò của lao động với phát triển kinh tế

##### 3.1.3.1. Tác động về phía cung

##### 3.1.3.2. Tác động về phía cầu

### **3.2. Vốn với tăng trưởng và phát triển kinh tế**

#### 3.2.1. Vốn sản xuất và vốn đầu tư

##### 3.2.1.1. Vốn sản xuất

##### 3.2.1.2. Vốn đầu tư

#### 3.2.2. Vai trò của vốn với phát triển kinh tế

##### 3.2.2.1. Vai trò của vốn trong mô hình tổng cung (AS) và tổng cầu (AD)

##### 3.2.2.2. Vai trò của vốn trong mô hình Harrod - Domar

##### 3.2.2.3. Tác động của vốn đến các vấn đề kinh tế - xã hội khác

#### 3.2.3. Các nguồn hình thành vốn đầu tư

##### 3.2.3.1. Nguồn trong nước

##### 3.2.3.2. Nguồn ngoài nước

### **3.3. Tài nguyên thiên nhiên với tăng trưởng và phát triển kinh tế**

#### 3.3.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài nguyên thiên nhiên

##### 3.3.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài nguyên thiên nhiên

##### 3.3.1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên

#### 3.3.2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế

##### 3.3.2.1. Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố nguồn lực quan trọng

##### 3.3.2.2. Tài nguyên thiên nhiên là cơ sở tạo tích lũy vốn và phát triển ổn định

##### 3.3.2.3. Căn bệnh Hà Lan - một bài học trong khai thác tài nguyên

##### 3.3.2.4. Tài nguyên thiên nhiên và giới hạn của phát triển

### **3.4. Khoa học công nghệ với tăng trưởng và phát triển kinh tế**

#### 3.4.1. Bản chất khoa học và công nghệ

##### 3.4.1.1. Bản chất của khoa học

- 3.4.1.2. Bản chất của công nghệ
- 3.4.2. Vai trò của khoa học công nghệ với phát triển kinh tế
  - 3.4.2.1. Mở rộng khả năng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế
  - 3.4.2.2. Thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
  - 3.4.2.3. Tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường
- 3.4.3. Đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế
  - 3.4.3.1. Các phương thức đổi mới công nghệ
  - 3.4.3.2. Nội dung đổi mới công nghệ

## **Chương 4**

### **NGOẠI THƯƠNG VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

#### **4.1. Tầm quan trọng của ngoại thương**

##### **Một số lý thuyết thương mại quốc tế và phát triển**

- 4.1.1. Vai trò của ngoại thương trong các lý thuyết thương mại quốc tế
  - 4.1.1.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối
  - 4.1.1.2. Lý thuyết lợi thế so sánh
  - 4.1.1.3. Lý thuyết Heckscher - Ohlin
  - 4.1.1.4. Lý thuyết thương mại mới
- 4.1.2. Vai trò của ngoại thương với phát triển kinh tế trong các nghiên cứu thực nghiệm
  - 4.1.2.1. Ngoại thương với phát triển kinh tế ở các nước phát triển
  - 4.1.2.2. Ngoại thương với phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển

#### **4.2. Chiến lược thương mại quốc tế vì phát triển**

- 4.2.1. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô
  - 4.2.1.1. Mục đích của chiến lược
  - 4.2.1.2. Điều kiện thực hiện chiến lược
  - 4.2.1.3. Thành công và hạn chế của chiến lược
- 4.2.2. Chiến lược thay thế nhập khẩu
  - 4.2.2.1. Mục đích của chiến lược
  - 4.2.2.2. Điều kiện thực hiện chiến lược
  - 4.2.2.3. Thành công và hạn chế của chiến lược
- 4.2.3. Chiến lược hướng về xuất khẩu
  - 4.2.3.1. Mục đích của chiến lược

4.2.3.2. Điều kiện thực hiện chiến lược

4.2.3.3. Thành công và hạn chế của chiến lược

### **4.3. Vai trò của ngoại thương đối với phát triển kinh tế Việt Nam**

4.3.1. Thực trạng hoạt động ngoại thương từ đổi mới đến nay

4.3.1.1. Thực trạng xuất khẩu

4.3.1.2. Thực trạng nhập khẩu

4.3.1.3. Thực trạng cán cân thương mại

4.3.2. Tác động của ngoại thương đến tăng trưởng và phát triển kinh tế

4.3.2.1. Tác động tích cực

4.3.2.2. Tác động tiêu cực

4.3.3. Định hướng chiến lược ngoại thương nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững

## **Chương 5**

### **HOẠCH ĐỊNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **5.1. Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội**

5.1.1. Bản chất và chức năng của chiến lược

5.1.1.1. Bản chất của chiến lược phát triển

5.1.1.2. Chức năng của chiến lược phát triển

5.1.2. Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển

5.1.2.1. Xác định những căn cứ của chiến lược

5.1.2.2. Xác định các quan điểm phát triển cơ bản

5.1.2.3. Xác định các mục tiêu phát triển

5.1.2.4. Hệ thống giải pháp chiến lược

5.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

#### **5.2. Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội**

5.2.1. Bản chất và chức năng của kế hoạch

5.2.1.1. Bản chất của kế hoạch phát triển

5.2.1.2. Chức năng của kế hoạch phát triển

5.2.2. Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển

5.2.2.1. Xác định nhiệm vụ tổng quát

5.2.2.2. Xác định các chương trình và các lĩnh vực phát triển

5.2.2.3. Các giải pháp lớn để thực hiện kế hoạch

### 5.2.3. Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung học phần | Phân bổ số tiết của học phần |           |           |
|-------------------|------------------------------|-----------|-----------|
|                   | Lý thuyết                    | Thảo luận | Tự học    |
| Chương 1          | 6                            | 6         | 15        |
| Chương 2          | 6                            | 6         | 15        |
| Chương 3          | 6                            | 6         | 15        |
| Chương 4          | 6                            | 6         | 15        |
| Chương 5          | 6                            | 6         | 15        |
| <b>Tổng cộng:</b> | <b>30</b>                    | <b>30</b> | <b>90</b> |

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Ngô Thắng Lợi, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, 2012.
2. MBA. Nguyễn Văn Dung, *Kinh tế phát triển*, Nxb Phương Đông, 2012

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Ngọc Hòa, *Tập bài giảng phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, xuất bản năm 2006.
2. Michael Todaro, *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998.
3. *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
4. Trần Văn Chử, *Giáo trình kinh tế học phát triển*, Nxb Lý luận chính trị tái bản năm 2007.

## 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận: 50%

## 12. Các quy định khác đối với môn học:

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

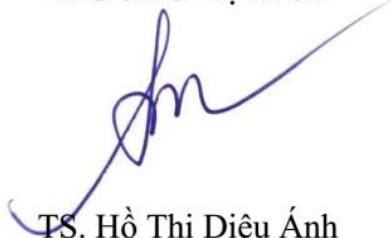
**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized initials and a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

A handwritten signature in blue ink, featuring a stylized 'H' and 'A' with a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG QUẢN LÝ

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Nguyễn Hoài Nam  
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  
TS. Thái Thị Kim Oanh

**1. Tên môn học: KỸ NĂNG QUẢN LÝ \_ 3 (2, 1)**

**2. Mã số môn học: QLKN-709**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:**

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về các kỹ năng quản lý như: tự nhận thức, quản trị căng thẳng cá nhân, giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo, kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hỗ trợ; hiểu rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải tạo dựng quyền lực và ảnh hưởng; vai trò của động cơ thúc đẩy, cách thức quản trị xung đột, xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Môn học rèn luyện kỹ năng quản lý, một lĩnh vực kỹ năng tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề nghiệp. Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trải nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập các hành vi phù hợp với tính hiệu quả trong các lĩnh vực kỹ năng, giúp người học rèn luyện nâng cao kỹ năng quản lý.

## **8. Nội dung môn học: KỸ NĂNG QUẢN LÝ \_ 3 (2, 1)**

### **Chương 1: Tự nhận thức**

**(LT/BT/TH: 5/2/10)**

- 1.1. Tầm quan trọng của sự tự nhận thức
- 1.2. Điều thâm kín của tự nhận thức
  - 1.2.1. Điều thâm kín của tự nhận thức
  - 1.2.2. Điểm nhạy cảm
- 1.3. Hiểu rõ và chấp nhận sự khác biệt giữa các cá nhân
- 1.4. Các yếu tố cốt lõi của tự nhận thức
  - 1.4.1. Giá trị
  - 1.4.2. Phong cách học
  - 1.4.3. Thái độ đối với sự thay đổi
  - 1.4.4. Định hướng giao tiếp giữa các cá nhân

### **Chương 2. Quản lý sự căng thẳng**

**(LT/BT/TH: 5/3/15)**

- 2.1. Tăng cường hiệu quả cá nhân thông qua quản lý sự căng thẳng (stress)
- 2.2. Quản lý stress
- 2.3. Hạn chế stress
  - 2.3.1. Hạn chế stress thông qua quản lý thời gian
  - 2.3.2. Các nguyên tắc quản lý thời gian
  - 2.3.3. Các quy tắc của nhà quản lý
  - 2.3.4. Hạn chế stress đối đầu và hoàn cảnh thông qua ủy thác khéo léo
  - 2.3.5. Hạn chế stress hoàn cảnh thông qua việc thiết kế công việc
- 2.4. Xây dựng sự hồi phục để kiểm soát stress
- 2.5. Các kỹ thuật làm giảm stress tạm thời

### **Chương 3. Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo**

**(LT/BT/TH: 5/2/15)**

- 3.1. Giải quyết vấn đề sáng tạo và cải tiến
- 3.2. Các bước trong tiến trình giải quyết vấn đề thông thường
  - 3.2.1. Xác định vấn đề
  - 3.2.2. Tập hợp phương án
  - 3.2.3. Đánh giá phương án
  - 3.2.4. Thực hiện phương án

### 3.3. Sự hạn chế của mô hình giải quyết vấn đề thông thường

#### 3.3.1. Những yếu tố cản trở sự sáng tạo

#### 3.3.2. Chướng ngại vật

### 3.4. Tính kiên định

### 3.5. Cam kết

### 3.6. Sự cô đọng ý tưởng

### 3.7. Tự mãn

### 3.8. Các giai đoạn trong tư duy sáng tạo

### 3.9. Các phương pháp cải thiện việc xác định vấn đề

### 3.10. Tập hợp nhiều phương án

### 3.11. Những gợi ý để áp dụng kỹ thuật giải quyết vấn đề

### 3.12. Những nguyên lý quản trị để tạo sự đổi mới

## **Chương 4. Huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả**

**(LT/BT/TH: 5/3/15)**

### 4.1. Tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả

#### 4.1.1. Tập trung vào độ chính xác

#### 4.1.2. Truyền thông hỗ trợ

### 4.2. Huấn luyện và tư vấn

#### 4.2.1. Các vấn đề về huấn luyện và tư vấn

#### 4.2.2. Sự phòng thủ và phản đối

### 4.3. Các nguyên tắc của truyền thông hỗ trợ

#### 4.3.1. Truyền thông hỗ trợ hướng đến vấn đề, không hướng đến con người

#### 4.3.2. Truyền thông hỗ trợ dựa vào sự phù hợp

#### 4.3.3. Truyền thông hỗ trợ là mô tả, không phải là đánh giá

#### 4.3.4. Truyền thông hỗ trợ công nhận giá trị

#### 4.3.5. Truyền thông hỗ trợ là cụ thể, không chung chung

#### 4.3.6. Truyền thông hỗ trợ là nối tiếp chứ không đứt đoạn

#### 4.3.7. Truyền thông hỗ trợ có sở hữu

#### 4.3.8. Truyền thông hỗ trợ đòi hỏi sự lắng nghe, chứ không phải là truyền thông tin một phía

## **Chương 5. Quyền lực và ảnh hưởng**

**(LT/BT/TH: 5/2/20)**

### 5.1. Xây dựng nền tảng quyền lực và sử dụng sức ảnh hưởng khéo léo

### 5.2. Thiếu quyền lực

- 5.3. Lạm dụng quyền lực
- 5.4. Các chiến lược để có được quyền lực trong tổ chức
  - 5.4.1. Các thuộc tính cá nhân
  - 5.4.2. Đặc điểm vị trí tạo nên quyền lực
  - 5.4.3. Biến chuyển quyền lực thành ảnh hưởng
  - 5.4.4. Tạo quyền lực cho người khác
- 5.5. Thúc đẩy khả năng của các cá nhân
- 5.6. Nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy

## **Chương 6. Xây dựng nhóm làm việc và nhóm hiệu quả** (LT/BT/TH: 5/3/15)

- 6.1. Phát triển nhóm và làm việc nhóm
- 6.2. Các lợi thế của nhóm
- 6.3. Lãnh đạo nhóm
  - 6.3.1. Phát triển sự tin cậy
  - 6.3.2. Tuyên bố, điều phối một tầm nhìn
  - 6.3.3. Những cảnh báo quốc tế
- 6.4. Thành viên của nhóm
  - 6.4.1. Các vai trò có lợi thế
  - 6.4.2. Cung cấp phản hồi
- 6.5. Phát triển nhóm
  - 6.5.1. Giai đoạn hình thành
  - 6.5.2. Giai đoạn xây dựng chuẩn mực
  - 6.5.3. Giai đoạn xung đột
  - 6.5.4. Giai đoạn thể hiện năng lực

### **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung môn học</b> | <b>Phân bổ số tiết của môn học</b> |                                  |               |
|-------------------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------|
|                         | <b>Lý thuyết</b>                   | <b>Thảo luận<br/>(Thực hành)</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                | 5                                  | 2                                | 10            |
| Chương 2                | 5                                  | 3                                | 15            |
| Chương 3                | 5                                  | 2                                | 15            |
| Chương 4                | 5                                  | 3                                | 15            |
| Chương 5                | 5                                  | 2                                | 20            |
| Chương 6                | 5                                  | 3                                | 15            |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>30</b>                          | <b>15</b>                        | <b>90</b>     |

## **10. Tài liệu tham khảo:**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. John C. Maxwell; Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Oanh, *Phát triển kỹ năng lãnh đạo*, NXB Lao động Xã hội , 2007.
2. Hoàng Văn Hải, *Ra quyết định quản trị*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Trần Kiêm, *Giáo trình Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, 2012.
2. Quang Hưng, Minh Đức, *Quản lý doanh nghiệp những kinh nghiệm kinh điển*, NXB Lao động - Xã hội , 2008
3. Võ Phước Tấn, *Giáo trình Quản trị học*, NXB Thống kê, 2008
4. TS. Nguyễn Quốc Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Loan, *Phát triển kỹ năng quản trị*, NXB Tài chính, 2006.
5. Lawrence Holpp, *Quản lý nhóm*, NXB Lao động - Xã hội , 2008.

## **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

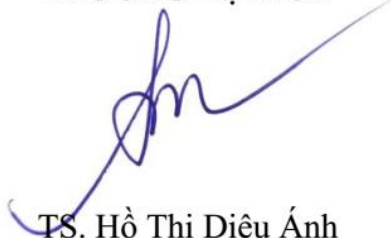
**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Hồ Thị Diệu Ánh  
PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng  
TS. Thái Thị Kim Oanh  
NCS. Trần Văn Hào

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC\_3 (2, 1)**

**2. Mã số môn học: QLNL-710**

**3. Số tín chỉ:03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:**

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một tổ chức. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Quản lý kinh tế như quản lý nguồn nhân lực, tạo động lực lao động.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị nhân sự, qua đó giúp cho những nhà quản trị tương lai phát triển và khai thác hiệu quả nguồn lực: “con người” của tổ chức, và qua đó sử dụng tốt tất cả những nguồn lực sẵn có trong tổ chức. Học phần sẽ giúp học viên nhận thức đúng đắn vai trò của con người và ý nghĩa quan trọng của quản lý nguồn nhân trong một tổ chức.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác quản lý nguồn nhân lực (phân tích công việc, kế hoạch hóa nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thực hiện công

việc, thù lao lao động) giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn mang tính đồng bộ và có hiệu quả hơn.

## **8. Nội dung môn học: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC\_ 3 (2, 1)**

### **Chương 1. Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 2/1/24)**

- 1.1. Các khái niệm cơ bản
- 1.2. Đặc điểm quản lý nguồn nhân lực
- 1.3. Sự cần thiết quản lý nguồn nhân lực
- 1.4. Các cấp độ hoạt động của quản lý nguồn nhân lực

### **Chương 2. Phân tích công việc**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

- 2.1. Các khái niệm cơ bản
- 2.2. Lựa chọn cấp độ phân tích phù hợp
- 2.3. Xây dựng công cụ phân tích công việc
- 2.4. Tình trạng tiến hành phân tích công việc
- 2.5. Các sản phẩm của phân tích công việc
- 2.6. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc

### **Chương 3. Kế hoạch hóa nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

- 3.1. Khái niệm và ý nghĩa của kế hoạch hóa nhân lực
- 3.2. Những đặc trưng của kế hoạch hóa
- 3.3. Nội dung của kế hoạch hóa nhân lực

### **Chương 4. Tuyển dụng nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

- 4.1. Khái niệm, ý nghĩa và yêu cầu tuyển dụng
- 4.2. Nội dung tuyển mộ
- 4.3. Nội dung tuyển chọn
- 4.4. Đánh giá hiệu quả tuyển dụng

### **Chương 5. Đào tạo nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

- 5.1. Sự cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực
- 5.2. Các phương pháp đào tạo nguồn nhân lực

### 5.3. Nội dung công tác quản lý đào tạo nguồn nhân lực

## **Chương 6. Đánh giá nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

6.1. Khái niệm và mục đích đánh giá

6.2. Nội dung đánh giá

6.3. Những yêu cầu và hạn chế trong đánh giá

6.4. Quy trình đánh giá nguồn nhân lực

6.5. Các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực

## **Chương 7. Thù lao lao động**

**(LT/BT/TH: 4/2/8)**

7.1. Khái niệm và các yếu tố cấu thành thù lao

7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương của người lao động

7.3. Hệ thống thù lao trong các tổ chức công ở Việt Nam

## **Chương 8. Chính sách quản lý nguồn nhân lực**

**(LT/BT/TH: 4/2/18)**

8.1. Khái niệm chính sách quản lý nguồn nhân lực

8.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý nguồn nhân lực

8.3. Căn cứ hoạch định chính sách quản lý nguồn nhân lực

8.4. Sơ đồ quản lý nguồn nhân lực

## **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung môn học</b> | <b>Phân bổ số tiết của môn học</b> |                                  |               |
|-------------------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------|
|                         | <b>Lý thuyết</b>                   | <b>Thảo luận<br/>(Thực hành)</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                | 2                                  | 1                                | 24            |
| Chương 2                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 3                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 4                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 5                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 6                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 7                | 4                                  | 2                                | 8             |
| Chương 8                | 4                                  | 2                                | 18            |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>30</b>                          | <b>15</b>                        | <b>90</b>     |

## **10. Tài liệu tham khảo:**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Trần Thị Thu, Vũ Hoàng Ngân, *Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2011.
2. Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh, *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.
2. Paul Hersey Ken Blanc Hard, *Quản lý nguồn nhân lực*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân, *Giáo trình quản trị nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2007.
4. Hoàng Văn Hải, *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Thống kê, 2010.

## **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

## **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Thị Thu Cúc  
TS. Đặng Thành Cương  
TS. Đinh Xuân Hải  
NCS. Nguyễn Thị Hồng Nhung

**1. Tên môn học:** QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG\_3(2,1)

**2. Mã số môn học:** QTCC \_711

**3. Số tín chỉ:** 03

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Tài chính ngân hàng, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Vị trí môn học thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu quản lý kinh tế.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Trang bị cho học viên công cụ phân tích tài chính, tiền tệ với tư cách các công cụ trực tiếp tác động tới mọi hiện tượng, quá trình kinh tế, trang bị hệ thống tri thức và các mô hình kinh tế liên quan tới quy luật vận động của các nguồn lực tài chính, tiền tệ. Học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô, vi mô; Kinh tế học công cộng; kiến thức nhất định về tiền tệ, ngân hàng, ngân sách nhà nước và chứng khoán.

**8. Nội dung môn học:** QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG\_ 3(2,1)

### **Chương 1: Khu vực công và tài chính công (LT/BT/TH: 6/1/15)**

- 1.1. Tài chính công và các vấn đề kinh tế vĩ mô
  - 1.1.1. Hiệu quả và sự thất bại thị trường
  - 1.1.2. Cách thức can thiệp của chính phủ
- 1.2. Quy mô và trách nhiệm của chính phủ

- 1.2.1. Quy mô và tăng trưởng chính phủ
- 1.2.2. Phi tập trung hóa
- 1.2.3. Chi tiêu, thuế, thâm hụt và nợ
- 1.2.4. Phân phối nguồn lực
- 1.2.5. Vai trò điều tiết của chính phủ

## **Chương 2: Hiệu quả và công bằng**

**(LT/BT/TH: 6/2/18)**

- 2.1 Tối đa hóa độ thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn
- 2.2 Sở thích và đường thỏa dụng
- 2.3 Giới hạn ngân sách
- 2.4 Sự lựa chọn trong điều kiện có giới hạn
- 2.5 Ảnh hưởng của thay đổi giá cả ( ảnh hưởng thu nhập và ảnh hưởng thay thế)
- 2.6 Cân bằng xã hội và phúc lợi xã hội
- 2.2 Cân bằng xã hội
- 2.2.1 Hiệu quả xã hội
- 2.2.2 Cân bằng cạnh tranh để tối đa hóa phúc lợi xã hội
- 2. 2.3 Hiệu quả xã hội và phúc lợi xã hội ( Vai trò công bằng)
- 2. 2.4 Nghiên cứu tình huống chính sách phân phối thu nhập của Việt Nam

## **Chương 3: Phân tích ngân sách**

**(LT/BT/TH: 8/3/15)**

- 3.1. Soạn lập ngân sách
- 3.1.1 . Quy trình soạn lập ngân sách
- 3.1.2. Chính sách ngân sách và thâm hụt ngân sách ( Trung ương và địa Phương)
- 3.2. Đo lường ngân sách
- 3.2.1. Ngân sách danh nghĩa và ngân sách thực
- 3.2.2. Cách tính thâm hụt ngân sách
- 3.3. Nợ và thâm hụt ngân sách trong bối cảnh kinh tế vĩ mô
- 3.4. Nghiên cứu tình huống về bội chi ngân sách nhà nước Việt Nam

## **Chương 4: Ngoại tác**

**(LT/BT/TH: 3/3/14)**

- 4.1. Lý thuyết ngoại tác

- 4.1.1 Ngoại tác tiêu cực
  - 4.1.2. Ngoại tác tích cực
  - 4.2. Những giải pháp của khu vực tư đối với ngoại tác tiêu cực
    - 4.2.1. Giải pháp
    - 4.2.2. Định lý Coase
  - 4.3. Khu vực công và về vấn đề ngoại tác
  - 4.4. Phân biệt giữa cách tiếp cận giá cả và số lượng đối với vấn đề ngoại tác
    - 4.4.1. Mô hình cơ bản
    - 4.4.2. Điều chỉnh giá cả và điều chỉnh số lượng
- Nghiên cứu tình huống về môi trường, giải tỏa đền bù đất đai của Việt Nam

## **Chương 5: Hàng hóa công**

**(LT/BT/TH: 3/3/16)**

- 5.1. Cung cấp hàng hóa công tối ưu
- 5.2. Cung cấp tư nhân về hàng hóa công
  - 5.2.1. Vấn đề người hưởng tự do và cung cấp dưới tiềm năng của khu vực tư
  - 5.2.2. Khu vực tư và sự khắc phục tình trạng người hưởng tự do
- 5.3. Cung cấp công về hàng hóa công
  - 5.3.1. Sự chen lấn khu vực tư
  - 5.3.2. Đo lường sở thích và tổng hợp sở thích

## **Chương 6: Phân tích lợi ích và chi phí**

**(LT/BT/TH: 4/3/12)**

- 6.1. Đo lường chi phí dự án công
  - 6.1.1. Đo lường chi phí hiện tại
  - 6.1.2. Đo lường chi phí tương lai
- 6.2. Đo lường lợi ích dự án công
  - 6.2.1. Giá trị tiết kiệm thời gian đi lại
  - 6.2.2. Giá trị cuộc sống con người
  - 6.2.3. Chiết khấu lợi ích tương lai
  - 6.2.4. Phân tích chi phí hiệu quả
- 6.3. Kết hợp chi phí và lợi ích
  - 6.3.1. Các vấn đề khác trong phân tích chi phí và lợi ích
  - 6.3.2. Chi phí ngân sách

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 6                           | 1                        | 15        |
| Chương 2         | 6                           | 2                        | 18        |
| Chương 3         | 8                           | 3                        | 15        |
| Chương 4         | 3                           | 3                        | 14        |
| Chương 5         | 3                           | 3                        | 16        |
| Chương 6         | 4                           | 3                        | 12        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Dương Đăng Chinh, *Giáo trình Quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính, 2007.
2. Đặng Văn Du, *Hệ thống câu hỏi và bài tập quản lý tài chính công*, NXB Tài chính, 2011.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Du, *Giáo trình quản lý chi ngân sách nhà nước*, NXB Tài chính, 2010.
2. Lê Văn Ái, *Giáo trình quản lý thu ngân sách nhà nước*, NXB Tài chính, 2010.
3. Tô Ngọc Dung, *Hệ thống giám sát tài chính Việt Nam: Sách chuyên khảo*, NXB Tài chính, 2011.
4. Phạm Văn Khoan, *Giáo trình quản lý tài chính công*, NXB Tài chính, 2010

## 11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## 12. Các quy định khác đối với môn học:

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

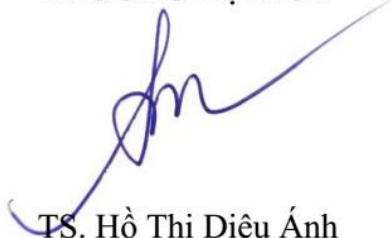
**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, overlapping loops and a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

A handwritten signature in blue ink, featuring a series of loops and a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Nguyễn Thị Hải Yến  
NCS. Đào Quang Thắng  
TS. Thái Thị Kim Oanh

**1. Tên môn học:**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG \_ 3 (2, 1)

**2. Mã số môn học:** QLCT \_712

**3. Số tín chỉ:**03

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:**

Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về quản lý một chương trình và dự án đầu tư công. Giúp người học nắm bắt được các khái niệm, cách phân loại hoạt động đầu tư và dự án đầu tư công, chu kỳ thực hiện dự án, các bước nghiên cứu và lập dự án đầu tư công; Tổ chức quản lý dự án đầu tư công; Đánh giá hiệu quả và quản lý chi phí các chương trình và dự án đầu tư công.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về quản lý các chương trình và dự án đầu tư công.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác tổ chức quản lý chương trình và dự án đầu tư công, giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn quản lý chương trình và dự án đầu tư công ở Việt Nam.

## **8. Nội dung môn học: QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN CÔNG \_3 (2, 1)**

### **Chương 1. Tổng quan về chương trình và dự án đầu tư công (LT/BT/TH: 6/3/15)**

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 1.2. Phân loại dự án đầu tư công
- 1.3. Vai trò tác dụng của dự án đầu tư công
- 1.4. Chu kỳ thực hiện dự án đầu tư công
- 1.5. Các bước nghiên cứu và lập dự án đầu tư công
- 1.6. Các thành phần chủ yếu của dự án đầu tư công

### **Chương 2. Tổ chức quản lý dự án đầu tư công (LT/BT/TH: 7/3/20)**

- 2.1. Lịch sử của quản lý dự án
- 2.2. Khái niệm và các chức năng chính của quản lý dự án
- 2.3. Các lĩnh vực quản lý dự án
- 2.4. Các giai đoạn quản lý dự án đầu tư công
- 2.5. Các hình thức và mô hình tổ chức quản lý dự án
  - 2.5.1. Hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án
  - 2.5.2. Hình thức chủ nhiệm điều hành dự án
  - 2.5.3. Hình thức chìa khóa trao tay
  - 2.5.4. Mô hình tổ chức quản lý dự án theo các bộ phận chức năng
  - 2.5.5. Mô hình tổ chức quản lý dự án có ban quản lý dự án chuyên trách
  - 2.5.6. Mô hình tổ chức quản lý dự án theo ma trận

### **Chương 3. Các chủ đề quản lý dự án (LT/BT/TH: 7/3/20)**

- 3.1. Nhà quản lý dự án
- 3.2. Tam giác Quản lý dự án
- 3.3. Cơ cấu phân chia công việc
- 3.4. Quản lý chi phí
- 3.5. Đánh giá hiệu quả dự án

### **Chương 4. Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công (LT/BT/TH: 5/3/15)**

- 4.1. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công

- 4.2. Chức năng, nhiệm vụ của quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công
- 4.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công
- 4.4. Một số biện pháp quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư công

## **Chương 5. Quản lý nhà nước đối với chương trình 134 và chương trình 135** (LT/BT/TH: 5/3/20)

- 5.1. Giới thiệu về chương trình 134
- 5.2. Quản lý nhà nước đối với chương trình 134
- 5.3. Hiệu quả của chương trình 134
- 5.4. Giới thiệu về chương trình 135
- 5.5. Quản lý nhà nước đối với chương trình 135

### **9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 6                           | 3                        | 15        |
| Chương 2         | 7                           | 3                        | 20        |
| Chương 3         | 7                           | 3                        | 20        |
| Chương 4         | 5                           | 3                        | 15        |
| Chương 5         | 5                           | 3                        | 20        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

### **10. Tài liệu tham khảo:**

#### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Stephen Barker, Rob Cole (Người dịch: Minh Thư), *Quản lý dự án*, NXB Lao động - Xã hội, 2003.
2. Hoàng Mạnh Quân, *Giáo trình lập và quản lý dự án phát triển nông thôn*, NXB Nông nghiệp, 2007.

#### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Bạch Nguyệt, *Giáo trình kinh tế đầu tư*, NXB Thống kê, 2003.
2. Từ Quang Phương, *Giáo trình quản lý dự án đầu tư*, NXB Lao động xã hội, 2005
3. *Giáo trình chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê, 1999

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU**  
**CỦA THẾ KỶ XX ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng

TS. Nguyễn Hoài Nam

GS.TS. Mai Ngọc Cường

**1. Tên môn học: CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU CỦA THẾ KỶ XX ĐẦU THẾ KỶ XXI\_3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLTB - 713**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, đặc biệt những kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nhà quản lý thành công. Vận dụng tư tưởng quản lý kinh tế trong bối cảnh tiếp tục thúc đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nội nhập kinh tế của Việt Nam.

**7. Mục tiêu của môn học:** Hiểu và nắm vững các tư tưởng quản lý kinh tế của một số nhà quản lý thành đạt trên thế giới. Vận dụng sáng tạo những tư tưởng quản lý kinh tế dựa trên quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế của Đảng, nhà nước ta trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn quản lý kinh tế bản thân.

**8. Nội dung của môn học: CÁC NHÀ QUẢN LÝ KINH TẾ TIÊU BIỂU CỦA THẾ KỶ XX ĐẦU THẾ KỶ XXI\_3(2,1)**

**Phần 1. Những vấn đề lý luận về quản lý kinh tế**

**(LT/BT/TH: 5/7/15)**

**I. Quản lý kinh tế**

**1.1. Kinh tế và quản lý kinh tế**

- 1.2. Một số khái niệm cơ bản
- II. Quản lý kinh tế tiêu biểu

- 2.1. Kinh tế
- 2.2. Quản lý
- 2.3. Nhà quản lý kinh tế

**Phần 2. Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI**  
**(LT/BT/TH: 25/8/75)**

I. Đặng Tiểu Bình (22/08/1904 - 19/92/1997)

- 1. Tiểu sử Đặng Tiểu Bình
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Đặng Tiểu Bình
- 3. Tầm ảnh hưởng của Đặng Tiểu Bình

II. Franklin Roosevelt (30/01/1882 - 12/04/1945)

- 1. Tiểu sử Franklin Delano Roosevelt
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Franklin Delano Roosevelt
- 3. Tầm ảnh hưởng của Franklin Delano Roosevelt

III. Lý Quang Diệu (16/09/1923 - 23/03/2015)

- 1. Tiểu sử Lý Quang Diệu
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Lý Quang Diệu
- 3. Tầm ảnh hưởng của Lý Quang Diệu

IV. Henry Ford(30/7/1863 - 07/04/1947)

- 1. Tiểu sử Henry Ford
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Henry Ford
- 3. Tầm ảnh hưởng của Henry Ford

V. Wiliam Henry Bill Gates III (28/10/1955 -)

- 1. Tiểu sử William Henry "Bill" Gates III
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của William Henry "Bill" Gates III
- 3. Tầm ảnh hưởng của William Henry "Bill" Gates III

VI. Soichiro Honda (17/11/1906 - 05/08/1991)

- 1. Tiểu sử của Soichiro Honda
- 2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Soichiro Honda
- 3. Tầm ảnh hưởng của Soichiro Honda

VII. Frederick winslow Taylor (20/03/1856 - 21/03/1915)

- 1. Tiểu sử của Frederick Winslow Taylor

2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Frederick Winslow Taylor
3. Tầm ảnh hưởng của Frederick Winslow Taylor

VIII. Larrypage - Google (26/03/1973 -)

1. Tiểu sử của Larrypage - Google
2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Larrypage - Google
3. Tầm ảnh hưởng của Larrypage - Google

IX. Tim Cook - Apple (01/11/1960 -)

1. Tiểu sử của Tim Cook - Apple
2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Tim Cook - Apple
3. Tầm ảnh hưởng của Tim Cook - Apple

X. Jeff Bezos - Amazon (12/01/1964 -)

1. Tiểu sử của Jeff Bezos - Amazon
2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Jeff Bezos - Amazon
3. Tầm ảnh hưởng của Jeff Bezos - Amazon

XI. Sir *Richard Branson* - Virgin group (18/7/1950 -)

1. Tiểu sử của Sir *Richard Branson*
2. Tư tưởng quản lý kinh tế của Sir *Richard Branson*
3. Tầm ảnh hưởng của Sir *Richard Branson*

**9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Phần 1           | 5                           | 7                        | 15        |
| Phần 2           | 25                          | 8                        | 75        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

**10. Tài liệu tham khảo:**

**10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Sông Lam, Minh Khánh, Duyên Thảo, *Nobel kinh tế*, Nxb Thanh Niên, 2006
2. Nguyễn Công Nghiệp (2014), *100 Nhà kinh tế nổi tiếng*, Nxb Chính trị Quốc gia.

**10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Jeffrey A. Krames; Ng.d.: Cao Đình Quát; H.đ.: Lý Thanh Trúc, *Phong cách Welch: 24 bài học từ vị Tổng Giám đốc hàng đầu thế giới*, NXB Đà Nẵng, 2007

2. Bộ Khoa học và Công nghệ(2000) *Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1969-1995*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
3. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2010) *40 năm Giải thưởng Nobel về kinh tế học (1969-2009)*. Đề tài khoa học cấp trường.
4. Mai Ngọc Cường, *Giải thưởng Nobel về kinh tế học (1969-2002) 51 nhà khoa học và công trình*. Nhà xuất bản Thống kê, 2003.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Mai Ngọc Anh  
TS. Trần Tú Khánh  
TS. Thái Thị Kim Oanh  
NCS.ThS. Đào Quang Thắng

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG – 3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QHKH - 714**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực hành, Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt học phần:** Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kỹ năng quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa và các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá.

**7. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình xử lý khủng hoảng, quản lý các vấn đề về khủng hoảng trong tổ chức, công tác phòng ngừa khủng hoảng, truyền thông khủng hoảng, lập kế hoạch quản lý khủng hoảng.

**8. Nội dung môn học: QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG – 3(2,1)**

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KHỦNG HOẢNG VÀ QUẢN LÝ  
KHỦNG HOẢNG  
(LT/BT/TH: 3/2/20)

**1.1. XUNG ĐỘT VÀ KHỦNG HOẢNG**

**1.1.1. Xung đột và vấn đề**

**1.1. 2. Khủng hoảng và truyền thông**

## 1.2. QUẢN LÝ XUNG ĐỘT VÀ KHỦNG HOẢNG

### 1.2.1. Quản lý xung đột và vấn đề

### 1.2.2. Quản lý khủng hoảng

### 1.2.3. Truyền thông khủng hoảng

## 1.3. PHÂN BIỆT KHỦNG HOẢNG VÀ VẤN ĐỀ

### Chương 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

**(LT/BT/TH: 7/5/25)**

## 2.1. QUY TRÌNH QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG 2P2R

### 2.1.1. Phòng ngừa - Prevention

### 2.1.2. Chuẩn bị - Preparation

### 2.1.3. Phản ứng- Response

### 2.1.4. Hồi phục - Recovery

## 2.2. QUẢN LÝ TRƯỚC KHỦNG HOẢNG

### 2.2.1. Công tác phòng ngừa / dự báo

### 2.2.2. Hành động chuẩn bị

### 2.2.3. Ban quản lý khủng hoảng

### 2.2.4. Xây dựng kế hoạch

### 2.2.5. Đánh giá công tác chuẩn bị/ diễn tập

## 2.3. QUẢN LÝ TRONG KHỦNG HOẢNG

### 2.3.1. Ứng phó

### 2.3.2. Giải quyết khủng hoảng

### 2.3.3. Truyền thông khủng hoảng

## 2.4. QUẢN LÝ SAU KHỦNG HOẢNG

### 2.4.1. Đánh giá tác động của khủng hoảng tới các nhóm công chúng

### 2.4.2. Xây dựng các chiến lược, chính sách hoạt động cũng như truyền thông để phục hồi và phát triển

### 2.4.3. Đánh giá công tác đối phó khủng hoảng và hoàn thiện kế hoạch

### Chương 3. XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG VÀ NGUYÊN TẮC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

**(LT/BT/TH: 5/4/25)**

## 3.1. CÁC BƯỚC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG

### 3.1.1. Thiết lập nhóm xử lý khủng hoảng

### 3.1.2. Cách ly thông tin, tìm nguyên nhân

- 3.1.3. Công tác báo chí và các cấp chính quyền
- 3.1.4. Tiến trình xử lý luôn mang lợi ích cộng đồng
- 3.1.5. Xây dựng kịch bản bảo đảm phát ngôn nhất quán
- 3.1.6. Đánh giá và rút ra bài học cho doanh nghiệp
- 3.2. NGUYÊN TẮC TRONG XỬ LÝ KHỦNG HOẢNG
- 3.2.1. Nguyên tắc trong giải quyết khủng hoảng
- 3.2.2. Nguyên tắc trong truyền thông khủng hoảng

#### Chương 4. QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG

**(LT/BT/TH: 5/4/20)**

- 4.1. NHẬN DIỆN NGUY CƠ VÀ KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG
- 4.1.1. Nhận diện các nguy cơ khủng hoảng truyền thông
- 4.1.2. Các vấn đề khủng hoảng truyền thông
- 4.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG
- 4.3. CÁC GIAI ĐOẠN CỦA KHỦNG HOẢNG TRUYỀN THÔNG
- 4.4. CÁC KỸ THUẬT TRUYỀN THÔNG KHI GẶP KHỦNG HOẢNG
- 4.5. CÁC NGUYÊN LÝ TRUYỀN THÔNG KHI GẶP KHỦNG HOẢNG
- 4.5.1. Các điều nên và không nên làm khi gặp khủng hoảng
- 4.5.2. Các nguyên lý truyền thông khi gặp khủng hoảng

#### **9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung học phần | Phân bổ số tiết của học phần |           |           |
|-------------------|------------------------------|-----------|-----------|
|                   | Lý thuyết                    | Thảo luận | Tự học    |
| Chương 1          | 3                            | 2         | 20        |
| Chương 2          | 7                            | 5         | 25        |
| Chương 3          | 5                            | 4         | 25        |
| Chương 4          | 5                            | 4         | 20        |
| <b>Tổng cộng:</b> | <b>20</b>                    | <b>15</b> | <b>90</b> |

#### **10. Tài liệu tham khảo:**

##### ***10.1. Tài liệu tham khảo chính***

- Đoàn Thị Hồng Vân, *Giáo trình Quản trị rủi ro và khủng hoảng*, NXB Lao động và xã hội, 2007.
- GS. Trần Văn Thọ và các tác giả, *Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và giải pháp*

của Việt Nam, NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2006

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. International Finance Corporation, *Cẩm nang Vượt qua khủng hoảng*, World bank group, 2012
2. Peter F. Drucker, Dịch giả Hải Ninh, *Quản trị trong thời khủng hoảng*, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân
3. Nguyễn Hoàng Sinh, *Bài giảng Quản lý khủng hoảng*, Trường Đại học Curtin Australia, 2013.
4. First News, *Quản lý khủng hoảng*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2007.
5. Hoảng loạn, hỗn loạn và cuồng loạn : Gần 400 năm lịch sử các cuộc khủng hoảng tài chính / Charles P. Kindleberger, Robert Z. Aliber; Người dịch: Thu Loan, Quốc Anh, NXB Tri thức, 2003.

### **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

### **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **II. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

### **A. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC**

#### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TỔ CHỨC**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Nguyễn Hoài Nam  
TS. Trần Tú Khánh  
PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền

- 1. Tên môn học: QUẢN LÝ TỔ CHỨC\_3(2,1)**
- 2. Mã số môn học: QLTC - 715**
- 3. Số tín chỉ: 03**
- 4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế
- 5. Phân bổ thời gian:**
  - Lý thuyết: 30 tiết
  - Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết
  - Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:**

Học phần trang bị cho học viên hệ thống tri thức liên quan tới quản lý tổ chức; chú trọng vào các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm vận dụng hiệu quả các kỹ năng quản lý, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và Kinh tế quốc tế nâng cao, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Trang bị cho học viên những kiến thức hệ thống và cập nhật về quản lý tổ chức như: bản chất và đặc trưng của quản lý; các khuynh hướng phát triển chủ yếu của khoa học quản lý hiện đại; các phương pháp, phong cách, nghệ thuật

quản lý với những quan điểm tiếp cận mới; sự phát triển của các chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra).

## **8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ TỔ CHỨC\_3(2,1)**

### **Chương 1. Tổng quan về quản lý các tổ chức**

**(LT/BT/TH: 4/3/12)**

#### **1.1. Tổ chức và các loại hình tổ chức**

1.1.1. Tổ chức và những đặc trưng cơ bản của tổ chức

1.1.2. Các hoạt động cơ bản của tổ chức

1.1.3. Các loại hình tổ chức

1.1.4. Các quan điểm về tổ chức

#### **1.2. Quản lý tổ chức**

1.2.1. Quản lý và các dạng quản lý

1.2.2. Quản lý tổ chức

1.2.3. Quản lý, lãnh đạo, điều khiển và quản trị

1.2.4. Các chức năng quản lý

1.2.5. Vai trò của quản lý tổ chức

1.2.6. Quản lý là một khoa học, một công nghệ, một nghề

1.2.7. Nhà quản lý

#### **1.3. Lý thuyết hệ thống trong quản lý tổ chức**

1.3.1. Hệ thống và lý thuyết hệ thống

1.3.2. Các thành phần cơ bản của hệ thống

1.3.3. Phân loại hệ thống

1.3.4. Phương thức tổ chức hệ thống

1.3.5. Nghiên cứu hệ thống

1.3.6. Điều khiển hệ thống

### **Chương 2. Sự phát triển các tư tưởng quản lý**

**(LT/BT/TH: 6/3/18)**

#### **2.1. Các tư tưởng quản lý Trung Hoa thời cổ đại**

2.1.1. Tư tưởng đức trị của Khổng tử

2.1.2. Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử

#### **2.2. Các tư tưởng quản lý thời kỳ xã hội công nghiệp**

2.2.1. Sự ra đời của các lý thuyết quản lý thời kỳ xã hội công nghiệp

2.2.2. Trường phái cổ điển về quản lý

- 2.2.3. Trường phái tâm lý - xã hội trong quản lý
- 2.2.4. Trường phái định lượng về quản lý
- 2.3. Các tư tưởng quản lý của xã hội đương đại
  - 2.3.1. Các thuyết văn hóa quản lý
  - 2.3.2. Thuyết quản lý tổng hợp và thích nghi

### **Chương 3. Quản lý trong thế kỷ XXI**

**(LT/BT/TH: 6/3/18)**

- 3.1. Quản lý tổ chức với vấn đề toàn cầu hóa
  - 3.1.1. Xu hướng biến đổi của thế kỷ XXI
  - 3.1.2. Toàn cầu hóa và những đặc trưng của toàn cầu hóa
  - 3.1.3. Xu thế khách quan của quá trình toàn cầu hóa
  - 3.1.4. Các tác động của toàn cầu hóa đến tổ chức
  - 3.1.5. Quản lý tổ chức trong môi trường toàn cầu
- 3.2. Văn hóa trong quản lý
  - 3.2.1. Các khái niệm cơ bản
  - 3.2.2. Các xu thế biến động văn hóa và đạo đức trong quản lý của thế kỷ XXI
  - 3.2.3. Quản lý với vấn đề văn hóa và đạo đức
- 3.3. Môi trường tổ chức trong quản lý
  - 3.3.1. Các khái niệm
  - 3.3.2. Các xu hướng biến đổi của môi trường tổ chức và sinh thái trong thế kỷ XXI
  - 3.3.3. Quản lý với môi trường tổ chức

### **Chương 4. Các chức năng quản lý**

**(LT/BT/TH: 6/3/18)**

- 4.1. Lập kế hoạch
  - 4.1.1. Các nội dung chủ yếu
  - 4.1.2. Đổi mới quá trình lập kế hoạch
- 4.2. Chức năng tổ chức
  - 4.2.1. Chức năng tổ chức và cơ cấu tổ chức
  - 4.2.2. Thiết kế cơ cấu tổ chức
  - 4.2.3. Cán bộ quản lý tổ chức
  - 4.2.4. Đổi mới công tác tổ chức

- 4.3. Chức năng lãnh đạo
  - 4.3.1. Các nội dung chủ yếu
  - 4.3.2. Đổi mới chức năng lãnh đạo
- 4.4. Chức năng kiểm tra
  - 4.4.1. Các nội dung chủ yếu
  - 4.4.2. Đổi mới chức năng kiểm tra

## **Chương 5. Thiết kế cơ cấu tổ chức**

### **(LT/BT/TH: 8/3/24)**

- 5.1. Nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức
  - 5.1.1. Khái niệm, mục tiêu và yêu cầu thiết kế cơ cấu tổ chức
  - 5.1.2. Nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức
  - 5.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng và các xu hướng trong thiết kế cơ cấu tổ chức
- 5.2. Quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức mới**
  - 5.2.1. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức
  - 5.2.2. Xác định chức năng, nhiệm vụ, công việc
  - 5.2.3. Xác định các bộ phận và phân hệ của cơ cấu
  - 5.2.4. Xây dựng cơ chế phối hợp
  - 5.2.5. Thể chế hóa cơ cấu tổ chức
  - 5.2.6. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức

## **9. Số tiết phân bổ:**

| <b>Nội dung môn học</b> | <b>Phân bổ số tiết của môn học</b> |                                  |               |
|-------------------------|------------------------------------|----------------------------------|---------------|
|                         | <b>Lý thuyết</b>                   | <b>Thảo luận<br/>(Thực hành)</b> | <b>Tự học</b> |
| Chương 1                | 4                                  | 3                                | 12            |
| Chương 2                | 6                                  | 3                                | 18            |
| Chương 3                | 6                                  | 3                                | 18            |
| Chương 4                | 6                                  | 3                                | 18            |
| Chương 5                | 8                                  | 3                                | 24            |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>30</b>                          | <b>15</b>                        | <b>90</b>     |

## **10. Tài liệu tham khảo:**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm, *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.
2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà, *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. GS.TS. Đỗ Văn Phúc, *Quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách khoa, 2010.
2. Marcel Van Assen, Gerben Van Den Berg, Paul Pietersma, *Những mô hình quản trị kinh điển*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011.
3. Robert Slater, *Jack Welch và đường lối lãnh đạo*, NXB Giao thông vận tải, 2005.
4. Tư Mã An, *72 phép quản lý kiểu Trung Quốc*, NXB Lao động - Xã hội, 2011.

## **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

## **13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

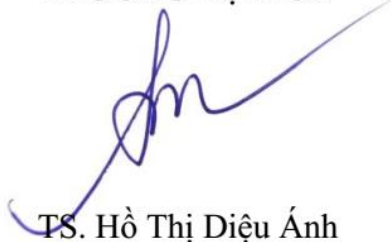
## **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Hoài Nam

TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

PGS.TS. Mai Ngọc Anh

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA\_3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLPT - 716**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Với thời lượng 3 tín chỉ trong quá trình nghiên cứu môn học, học viên đã nắm cơ bản kiến thức về quản lý kinh tế. Môn học sẽ cụ thể hóa các chiến lược quản lý kinh tế của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bổ sung những kiến thức cần thiết để người học có thể tổ chức và triển khai công tác quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**7. Mục tiêu của môn học:** Môn học Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa là tài liệu giảng dạy cung cấp kiến thức cho học viên về các chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu; hoạch định, kiểm soát, quản lý chiến lược...

**8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA\_3(2,1)**

**Chương 1. Chiến lược quản lý phát triển kinh tế**  
**trong nền kinh tế toàn cầu hóa**  
**(LT/BT/TH: 5/3/15)**

**1.1. Toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế**

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa

## 1.2. Chiến lược phát triển kinh tế

### 1.2.1. Bản chất của chiến lược phát triển kinh tế

### 1.2.2. Những thách thức của quản trị phát triển kinh tế

### 1.2.3. Chiến lược đem lại siêu lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh liên tục cho quốc gia

### 1.2.4. Mô hình chiến lược siêu lợi nhuận

## 1.3. Chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu

### 1.3.1. Mục đích chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu

### 1.3.2. Đặc điểm chiến lược quản lý phát triển kinh tế ở các nước khác nhau

### 1.3.3. Các chiến lược cạnh tranh quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu

## **Chương 2. Hoạch định chiến lược quản lý phát triển**

### **kinh tế trong toàn cầu hóa**

**(LT/BT/TH: 7/4/21)**

## 2.1. Phân tích và dự báo môi trường

### 2.1.1. Lựa chọn phương pháp phân tích và dự báo

### 2.1.2. Nội dung phân tích và dự báo môi trường

### 2.1.3. Đánh giá khả năng xảy ra cơ hội, nguy cơ, mạnh, yếu

## 2.2. Các phương pháp đánh giá và lựa chọn chiến lược

### 2.2.1. Nhóm phương pháp hỗ trợ hình thành ý tưởng chiến lược

### 2.2.2. Nhóm phương pháp hỗ trợ hình thành mục tiêu chiến lược

### 2.2.3. Nhóm phương pháp lựa chọn chiến lược cạnh tranh

## **Chương 3. Thực hiện kiểm soát và điều chỉnh chiến lược**

### **quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa**

**(LT/BT/TH: 8/4/24)**

## 3.1. Triển khai chiến lược

### 3.1.1. Bản chất và nội dung của thực hiện chiến lược

### 3.1.2. Nội dung chính của triển khai thực hiện chiến lược

### 3.1.3. Những hạn chế thường gặp trong thực hiện chiến lược

## 3.2. Kiểm soát và điều chỉnh chiến lược

### 3.2.1. Kiểm soát chiến lược.

### 3.2.2. Nội dung của kiểm soát chiến lược.

- 3.2.3. Đo lường và đánh giá chiến lược theo tiêu chuẩn đã xây dựng.
- 3.2.4. Phiếu điểm cân bằng BSC - công cụ thực hiện và kiểm soát và điều chỉnh chiến lược.

**Chương 4. Xây dựng chiến lược quản lý phát triển kinh tế  
trong toàn cầu hóa ở Việt Nam  
(LT/BT/TH: 10/4/30)**

- 4.1. Bối cảnh lịch sử tác động đến xây dựng chiến lược phát triển kinh tế ở Việt Nam
- 4.1.1. Thuận lợi
  - 4.1.2. Khó khăn
  - 4.1.3. Cơ hội
  - 4.1.4. Thách thức
- 4.2. Lựa chọn chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam
- 4.2.1. Phương hướng phát triển kinh tế ở Việt Nam
  - 4.2.2. Chiến lược
  - 4.2.3. Giải pháp

**9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 5                           | 3                        | 15        |
| Chương 2         | 7                           | 4                        | 21        |
| Chương 3         | 8                           | 4                        | 24        |
| Chương 4         | 10                          | 4                        | 30        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

**10. Tài liệu tham khảo:**

**10.1. Tài liệu tham khảo chính**

- Đường Vinh Sùng, *Toàn cầu hoá kinh tế: Cơ hội và thách thức với các nước đang phát triển*, NXB Thống Kê, 2004.
- Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền, *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, Nxb lao động, 2002.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội 2006.
2. Bộ môn Kinh tế vĩ mô, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, *Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Lao động - xã hội, Hà Nội 2005.
3. Ngô Đình Giao (1997), *Công nghệ quản trị kinh doanh*, Nxb giáo dục.
4. Garry D.Smith, Danny R.Arnold & Bobby G.Bizzell (1994), *Chiến lược và sách lược kinh doanh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Phan Nữ Thanh Thuỷ, *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
7. Lê Đình Viện (1994), *Quản trị xí nghiệp hiện đại*, Nxb Trẻ.

### **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

### **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

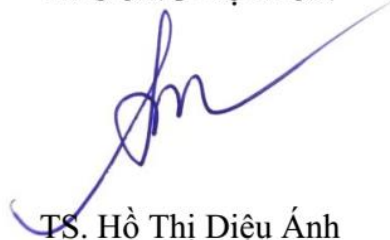
### **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Thái Thị Kim Oanh  
TS. Trần Thị Hoàng Mai  
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  
TS. Trần Tú Khánh

**1. Tên môn học: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ\_3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLCS - 717**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản trị công, Kinh tế học công cộng, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị; các kỹ năng phân tích, tổng hợp... Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Trang bị cho học viên những kỹ năng mới mà còn rất thiếu hiện nay - đó là phương pháp luận và kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn chính sách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

**8. Nội dung môn học: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ \_ 3 (2,1)**

**Chương 1. Tiếp cận khái quát về chính sách kinh tế  
(LT/BT/TH: 6/1/12)**

**1.1. Khái niệm về chính sách kinh tế**

- 1.1.1. Bản chất của chính sách kinh tế
- 1.1.2. Thuộc tính của chính sách kinh tế

- 1.1.3. Bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế
- 1.2. Phân loại chính sách và hoạt động chính sách
  - 1.2.1. Các loại chính sách
  - 1.2.2. Những hoạt động chính sách cơ bản
- 1.3. Chính sách và chính phủ lành mạnh
  - 1.3.1. Mô hình chính sách
  - 1.3.2. Khả năng của chính phủ đối phó với thay đổi
  - 1.3.3. Can thiệp của chính phủ
- 1.4. Các lý thuyết về chính sách

## **Chương 2. Nhóm lợi ích và chính sách kinh tế**

**(LT/BT/TH: 6/2/12)**

- 2.1. Phân loại nhóm lợi ích
  - 2.1.1. Lợi ích của người sản xuất
  - 2.1.2. Lợi ích của người hưởng phúc lợi nhà nước
  - 2.1.3. Lợi ích của người cung cấp phúc lợi
- 2.2. Ảnh hưởng của các nhóm lợi ích trong hoạch định chính sách đối tác chính sách công - tư
  - 2.2.1. Tầm quan trọng của quan hệ đối tác chính sách công - tư
  - 2.2.2. Một số nội dung cơ bản

## **Chương 3. Xác định vấn đề và tình huống chính sách**

**(LT/BT/TH: 6/3/12)**

- 3.1. Bản chất và đặc điểm của vấn đề chính sách
  - 3.1.1. Bản chất về vấn đề chính sách
  - 3.1.2. Đặc điểm vấn đề chính sách
- 3.2. Phân loại vấn đề chính sách và các mô hình chính sách
  - 3.2.1. Phân loại vấn đề chính sách
  - 3.2.2. Mô hình chính sách
- 3.3. Phân tích các khó khăn trong tình huống chính sách

## **Chương 4. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động**

**(LT/BT/TH: 6/3/12)**

- 4.1. Xây dựng kế hoạch hành động
  - 4.1.1. Chi tiết các phương án thay thế
  - 4.1.2. Chọn phương án hành động tối ưu
- 4.2. Lập trình chi tiết kế hoạch hành động
  - 4.2.1. Phân tích trách nhiệm
  - 4.2.2. Giám sát thực hiện
  - 4.2.3. Cân nhắc yếu tố thất bại trong thực hiện

## **Chương 5. Khung lý thuyết cho phân tích chính sách kinh tế** **(LT/BT/TH: 3/3/12)**

- 5.1. Nguồn gốc lịch sử phân tích chính sách
  - 5.1.1. Giai đoạn trước cách mạng công nghiệp
  - 5.1.2. Thế kỷ 19
  - 5.1.3. Thế kỷ 20
  - 5.1.4. Giai đoạn hậu công nghiệp
- 5.2. Nội dung phân tích chính sách
- 5.3. Các hình thức phân tích chính sách
  - 5.3.1. Phân tích dự báo chính sách
  - 5.3.2. Phân tích hậu chính sách
  - 5.3.3. Phân tích tổng hợp

## **Chương 6. Đánh giá hiệu quả chính sách kinh tế** **(LT/BT/TH: 3/3/30)**

- 6.1. Bản chất và chức năng của đánh giá chính sách
  - 6.1.1. Bản chất
  - 6.1.2. Chức năng
  - 6.1.3. Tiêu chí đánh giá
- 6.2. Những phương pháp đánh giá
  - 6.2.1. Đánh giá ảo
  - 6.2.2. Đánh giá chính thức
  - 6.2.3. Đánh giá chính sách - lý thuyết
- 6.3. Sử dụng các kết quả đánh giá
- 6.4. Kiến nghị hoàn thiện chính sách

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                       |           |
|------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận (Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 6                           | 1                     | 12        |
| Chương 2         | 6                           | 2                     | 12        |
| Chương 3         | 6                           | 3                     | 12        |
| Chương 4         | 6                           | 3                     | 12        |
| Chương 5         | 3                           | 3                     | 12        |
| Chương 6         | 3                           | 3                     | 30        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>             | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. TS. Nguyễn Thị Lệ Thúy, TS. Bùi Thị Hồng Việt, *Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội*, NXB Tài chính, 2012
2. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, *Giáo trình Chính sách kinh tế*, NXB Khoa học và xã hội, 2010.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bailey, S.J. 2002, *Public Sector Economics: theory, policy and practice*, Palgrave, New York.
2. Hughes, O.E. 1998. *Public Management and Administration: an introduction*, Macmillan.
3. Colebatch, H.K. 2000. *Policy*, Buckingham, England.
4. Dunn, W.N. 1997, *Public Policy Analysis: an introduction*, Prentice Hall, New Jersey, USA.
5. Beresford, Q. 2000. *Governments, Markets and Globalisation: public policy in context*, Allen & Unwin, NSW.
6. Viện chính trị học, *Lựa chọn công: một số tiếp cận nghiên cứu chính sách công*, Hà Nội, 2006.

## 11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **B. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN**

### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Đoàn Thị Thu Hà  
TS. Trần Tú Khánh  
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  
NCS. Đào Quang Thắng

**1. Tên môn học: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI – 3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLQH - 718**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), Xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 giờ

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kinh tế phát triển nâng cao, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ quản lý nhà nước.

**7. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình thiết lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ và quy hoạch phát triển ngành. Từ đó các học viên có thể vận dụng các kiến thức để tham gia thực hiện công tác lập quy hoạch trong lĩnh vực công tác của mình.

## **8. Nội dung chi tiết môn học: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI – 3(2,1)**

### **Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM**

(LT/BT/TH: 3/2/20)

#### **1.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM**

##### **1.1.1. Tình hình phát triển đất nước**

##### **1.1.2. Bối cảnh quốc tế**

#### **1.2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011-2020**

#### **1.3. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

##### **1.3.1. Mục tiêu tổng quát**

##### **1.3.2. Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường**

#### **1.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ**

#### **1.5. VẤN ĐỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

##### **5.1. Tình hình chung**

##### **5.2. Vấn đề về kế hoạch hóa**

##### **5.3. Về nội dung và phương pháp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam**

#### **1.6. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP MÔN HỌC**

### **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(LT/BT/TH: 7/5/25)

#### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

##### **2.1.1. Hệ thống hóa kế hoạch hóa phát triển**

##### **2.1.2. Vị trí, vai trò**

##### **2.1.3. Mối quan hệ giữa quy hoạch TTPTKTXH với các loại hình quy hoạch**

khác

## 2.2. BẢN CHẤT CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.2.1. Khái luận về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Bản chất của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

## 2.3. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.3.1. Phương pháp tiếp cận của quy hoạch TTPTKTXH trong điều kiện kinh tế thị trường

2.3.2. Phương pháp tiếp cận quy hoạch PTKTXH vùng

## 2.4. ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH TỔNG THỂ PTKT – XH

2.4.1. Đặc điểm

2.4.2. Yêu cầu

2.4.3. Nguyên tắc

## Chương 3. NỘI DUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (LT/BT/TH: 7/5/25)

### 3.1. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường

3.1.2. Đặc điểm dân số, dân cư, nguồn nhân lực

3.1.3. Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội

3.1.4. Phân tích đánh giá các yếu tố bên ngoài tác động đến sự phát triển

3.1.5. Phân tích lợi thế, hạn chế, thách thức

### 3.2. LUẬN CHỨNG QUAN ĐIỂM MỤC TIÊU VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN

3.2.1. Luận chứng các quan điểm phát triển và mục tiêu tổng quát

3.2.2. Luận chứng các mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch

3.2.3. Luận chứng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các phương án tăng trưởng kinh tế và lựa chọn cơ cấu đầu tư

### 3.3. LUẬN CHỨNG PHƯƠNG HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ CÁC LĨNH VỰC

- 3.3.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế chủ yếu
- 3.3.2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội và môi trường
- 3.4. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN
- 3.4.1. Quy hoạch phát triển không gian chung
- 3.4.2. Quy hoạch phát triển sản xuất
- 3.4.3. Quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn
- 3.4.4. Luận chứng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội
- 3.4.5. Quy hoạch bảo vệ môi trường thiên nhiên và cảnh quan
- 3.4.6. Quy hoạch sử dụng đất
- 3.5. LUẬN CHỨNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ BƯỚC ĐI TỪNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM
- 3.5.1. Xác định bước đi theo giai đoạn 5 năm phát triển kinh tế - xã hội
- 3.5.2. Xác định chương trình, dự án đầu tư triển khai xây dựng theo từng giai đoạn
- 3.6. NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUY HOẠCH

**Chương 4. QUY TRÌNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ XÃ HỘI ĐÃ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM  
(LT/BT/TH: 3/3/20)**

- 4.1. GIỚI THIỆU QUY TRÌNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM
- 4.1.1. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn
- 4.1.2. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
- 4.1.3. 4.1.2. Quy trình quy hoạch tổng thể phát triển ngành dịch vụ và du lịch
- 4.2. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung học phần | Phân bổ số tiết của học phần |           |        |
|-------------------|------------------------------|-----------|--------|
|                   | Lý thuyết                    | Thảo luận | Tự học |
| Chương 1          | 3                            | 2         | 20     |

|                   |           |           |           |
|-------------------|-----------|-----------|-----------|
| Chương 2          | 7         | 5         | 25        |
| Chương 3          | 7         | 5         | 25        |
| Chương 4          | 3         | 3         | 20        |
| <b>Tổng cộng:</b> | <b>20</b> | <b>15</b> | <b>90</b> |

## **10. Tài liệu tham khảo:**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Ngô Thắng Lợi, *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển kinh tế-xã hội*, NXB Thống kê, 2002.
2. Mạnh Hùng, *Quy hoạch chiến lược phát triển ngành: Chương trình ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội việt nam đến 2010, định hướng 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn sử dụng*, Nxb. Thống Kê, 2005.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Thị Bình (chủ biên), Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương, *Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2008
2. Vũ Thị Bình (chủ biên), Nguyễn Thị Vòng, Đỗ Văn Nhạ, *Quy hoạch phát triển nông thôn*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2006
3. Đỗ Văn Nhạ và cộng sự, *Upland Natural Resource and Social Ecological systems in Northern Vietnam*, Elsevier, 2016
4. Nguyễn Hữu Ngữ, *Bài giảng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*, Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Huế, 2011
5. Đoàn Công Quý (chủ biên), Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Vòng, Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tám, *Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2006.
6. Nguyễn Thị Vòng (chủ biên), Vũ Thị Bình, Đỗ Văn Nhạ, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, 2008.
7. *Giáo trình chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê, 1999.

## **11. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 10%
- Điểm kiểm tra giữa học phần: 20%
- Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận: 70%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PGS.TS. Đoàn Thị Thu Hà

TS. Nguyễn Hoài Nam

TS. Trần Thị Hoàng Mai

**1. Tên môn học: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ \_3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLLĐ - 719**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết

- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết

- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Môn học phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về lãnh đạo trong quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng. Đặc biệt có vận dụng cụ thể trong quản lý kinh tế Việt Nam hiện nay.

**7. Mục tiêu của môn học:** Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận cơ bản có hệ thống về chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu, ứng dụng lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Mỗi quan hệ giữa kinh tế và chính trị, quản lý kinh tế và chính trị, lãnh đạo và quản lý kinh tế và thực tiễn ứng dụng các mối quan hệ này ở nước ta.

**8. Nội dung của môn học: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ \_3(2,1)**

**Chương 1. Một số vấn đề lý luận về chính trị, lãnh đạo và quản lý  
(LT/BT/TH: 6/5/18)**

**1.1. Quan niệm về lãnh đạo quản lý và quản lý kinh tế**

1.1.1. Quan niệm về lãnh đạo

1.1.2. Quan niệm về quản lý

1.1.3. Quan niệm về quản lý kinh tế

**1.2. Phân loại lãnh đạo quản lý kinh tế**

- 1.2.1. Những nguyên tắc phân loại lãnh đạo, quản lý
- 1.2.2. Phân loại lãnh đạo quản lý kinh tế ở Việt Nam
- 1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về văn hóa lãnh đạo trong quản lý kinh tế
  - 1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa lãnh đạo trong quản lý kinh tế
  - 1.3.2. Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về văn hóa lãnh đạo trong quản lý kinh tế
- 1.4. Vai trò của quản lý kinh tế trong đời sống chính trị
  - 1.4.1. Trong hoạch định chính sách
  - 1.4.2. Trong thực tiễn quản lý
  - 1.4.3. Trong các mối quan hệ chính trị

**Chương 2. Năng lực, phẩm chất của nhà chính trị, nhà lãnh đạo  
và nhà quản lý kinh tế  
(LT/BT/TH: 12/5/36)**

- 2.1. Phẩm chất chính trị
  - 2.1.1. Bảo vệ lợi ích của giai cấp và dân tộc
  - 2.1.2. Bảo vệ lợi ích tập thể, cộng đồng
- 2.2. Phẩm chất đạo đức
  - 2.2.1. Trung thực, thẳng thắn và có ý thức trách nhiệm trước tập thể
  - 2.2.2. Khiêm tốn, giản dị, luôn phấn đấu vươn lên, dũng cảm đấu tranh chống cái ác
- 2.3. Năng lực tổ chức
  - 2.3.1. Năng lực sắp xếp, hoàn thiện bộ máy
  - 2.3.2. Năng lực sử dụng nhân tài
- 2.4. Năng lực chuyên môn
  - 2.4.1. Có tầm nhìn xa trông rộng
  - 2.4.2. Có tri thức sâu về lĩnh vực phụ trách
  - 2.4.3. Có khả năng bao quát

**Chương 3. Chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam  
(LT/BT/TH: 12/5/36)**

- 3.1. Đặc điểm chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam
  - 3.1.1. Những ưu điểm

- 3.1.2. Những hạn chế
- 3.2. Các yếu tố tác động đến chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam
- 3.2.1. Các yếu tố khách quan
- 3.2.2. Các yếu tố chủ quan
- 3.3. Những biểu hiện tích cực và hạn chế trong quản lý kinh tế ở Việt Nam
- 3.3.1. Những biểu hiện tích cực
- 3.3.2. Những hạn chế
- 3.4. Định hướng tăng cường mối quan hệ giữa chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam
- 3.4.1. Tính tất yếu phải tăng cường mối quan hệ giữa chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế
- 3.4.2. Những thay đổi chuẩn mực nhằm tăng cường mối quan hệ giữa chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 6                           | 5                        | 18        |
| Chương 2         | 12                          | 5                        | 36        |
| Chương 3         | 12                          | 5                        | 36        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. John C. Maxwell (Người dịch: Đặng Oanh, Hà Phương), *Nhà lãnh đạo*, NXB Lao động - Xã hội, 2003.
2. Michael E. Gerber, Khánh Chi dịch, Phương Thúy hiệu đính, *Để trở thành nhà quản lý hiệu quả: Tại sao các nhà quản lý làm việc kém hiệu quả và làm thế nào để khắc phục?*, NXB Lao động xã hội, 2008.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. John C. Maxwell, *21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo*, Nxb. Lao động - Xã hội, 2008.

2. Stevens S. Little, *7 nguyên tắc bất biến để phát triển doanh nghiệp nhỏ*, Nxb. Hồng Đức, 2008
3. Lê Quý Đức - Hoàng Chí Bảo (2007), *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội.
4. Okunira Yasuhiro, *Chính trị và kinh tế Nhật Bản*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
5. Lâm Quốc Tuấn (2006), *Nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ lãnh đạo quản lý nước ta hiện nay*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
6. Lorin Woolfe (Người dịch: Mai Hải Hà, Nguyễn Huy Hoàng), *Kinh thánh về nghệ thuật lãnh đạo: Bài học về nghệ thuật lãnh đạo cho các nhà quản lý thời nay từ những huyền thoại trong kinh doanh*, NXB Tri thức, 2005

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

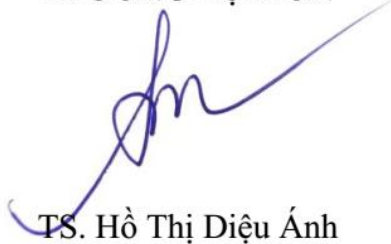
**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền  
TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh  
TS. Thái Thị Kim Oanh  
TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**1. Tên môn học: ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT\_ 3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLXD - 720**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Môn học gồm hệ thống lý luận về đàm phán và giải quyết xung đột. Bản chất đàm phán và giải quyết xung đột, những nguyên lý đàm phán như hình thức, một số thuật ngữ cơ bản của giao dịch, các yếu tố năng lực giao dịch; Các kỹ năng giao tiếp đa phương và lễ nghi trong đàm phán và giải quyết xung đột; Tâm lý đàm phán cũng như vận dụng văn hoá vào giao dịch đàm phán kinh doanh; nghệ thuật trong đàm phán và giải quyết xung đột; các nội dung của quá trình đàm phán và giải quyết xung đột trong kinh doanh.

**7. Mục tiêu của môn học:** Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận cơ bản về bản chất đàm phán và giải quyết xung đột, các nguyên lý của truyền thông đàm phán và giao tiếp; Kỹ năng giao tiếp đa phương và lễ nghi trong giao dịch; Tâm lý trong đàm phán và giải quyết xung đột; văn hoá trong đàm phán và giải quyết xung đột; Bản chất của truyền thông, đàm phán và giải quyết xung đột; nội dung, phương thức; nghệ thuật, chiến lược trong đàm phán giao tiếp; Các hoạt động của công tác chuẩn bị truyền thông đàm phán và giải quyết xung đột.

## **8. Nội dung của môn học: ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT - 3(2,1)**

### **Chương 1. Những vấn đề cơ bản của truyền thông**

**(LT/BT/TH: 5/2/10)**

#### **1.1. Khái niệm chung về truyền thông**

1.1.1. Tính tất yếu của thực hiện truyền thông trong giao dịch kinh doanh

1.1.2. Bản chất của truyền thông

#### **1.2. Một số lý thuyết về truyền thông**

#### **1.3. Những yêu cầu cần có khi thực hiện công tác truyền thông**

### **Chương 2. Nội dung, phương thức và các chiến lược trong đàm phán**

**(LT/BT/TH: 5/2/15)**

#### **2.1. Nội dung đàm phán kinh doanh**

2.1.1. Tên và chủng loại hàng hoá giao dịch mua bán

2.1.2. Giao dịch về chất lượng hàng hoá mua bán

2.1.3. Giao dịch về số lượng hàng hoá mua bán

2.1.4. Bao bì

2.1.5. Giao dịch về giá cả hàng hoá

2.1.6. Giao dịch về thời gian và địa điểm giao hàng

2.1.7. Thanh toán và kết thúc giao dịch

#### **2.2. Các phương thức đàm phán kinh doanh**

2.2.1. Đàm phán qua điện tín

2.2.2. Đàm phán qua điện thoại, điện tử tin học

2.2.3. Đàm phán trực tiếp

#### **2.3. Chiến lược đàm phán kinh doanh**

2.3.1. Những chiến lược để đi đến một thoả thuận hợp tác

2.3.2. Sử dụng linh hoạt chiến thuật trong đàm phán trực tiếp

2.3.3. Một số sách lược trong đàm phán kinh doanh

### **Chương 3. Nguyên lý cơ bản của đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh**

**(LT/BT/TH: 5/2/15)**

#### **3.1. Khái niệm và bản chất đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh**

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Bản chất của đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh

3.2. Các nhân tố quyết định trong đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh

- 3.2.1. Bối cảnh đàm phán và giải quyết xung đột
- 3.2.2. Thời gian đàm phán và giải quyết xung đột
- 3.2.3. Quyền lực đàm phán kinh doanh và giải quyết xung đột
- 3.3. Phong cách đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh
  - 3.3.1. Các hình thức đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh
  - 3.3.2. Phong cách đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh
- 3.4. Nghệ thuật trong đàm phán và giải quyết xung đột kinh doanh
  - 3.4.1. Nghệ thuật trả lời
  - 3.4.2. Nghệ thuật nghe
  - 3.4.3. Nghệ thuật hỏi
  - 3.4.4. Nghệ thuật thách giá và trả giá
  - 3.4.5. Nghệ thuật khắc phục bế tắc

#### **Chương 4. Hoạt động chuẩn bị đàm phán kinh doanh** (LT/BT/TH: 5/3/15)

- 4.1. Nội dung công tác chuẩn bị đàm phán kinh doanh
  - 4.1.1. Thu thập và xử lý thông tin
  - 4.1.2. Chuẩn bị tổ chức nhân sự của đoàn đàm phán
  - 4.1.3. Chuẩn bị kế hoạch cụ thể tiến hành đàm phán
  - 4.1.4. Nghiên cứu cấu trúc một cuộc đàm phán
  - 4.1.5. Nghiên cứu yêu cầu về nội dung một cuộc đàm phán kinh doanh
  - 4.1.6. Nghiên cứu các phương pháp sử dụng ngôn ngữ biểu cảm trong đàm phán kinh doanh
  - 4.1.7. Chuẩn bị về mặt kỹ thuật cho cuộc đàm phán kinh doanh
- 4.2. Xây dựng kế hoạch đàm phán kinh doanh
  - 4.2.1. Tầm quan trọng của công tác xây dựng kế hoạch đàm phán
  - 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng kế hoạch đàm phán
- 4.3. Kiểm tra và tập dượt các phương án đàm phán kinh doanh
  - 4.3.1. Hoàn thiện kế hoạch đàm phán
  - 4.3.2. Tập dượt các phương án đàm phán

#### **Chương 5. Tổ chức đàm phán và giải quyết xung đột trong kinh doanh** (LT/BT/TH: 5/3/20)

- 5.1. Tiến trình và những nguyên tắc cơ bản tổ chức đàm phán kinh doanh
  - 5.1.1. Tiến trình của tổ chức đàm phán
  - 5.1.2. Các nguyên tắc của tổ chức đàm phán

- 5.2. Nghệ thuật mở đầu đàm phán
  - 5.2.1. Mục đích mở đầu đàm phán
  - 5.2.2. Phương pháp mở đầu đàm phán
  - 5.2.3. Những thủ thuật và quy tắc mở đầu đàm phán
  - 5.2.4. Khó khăn thường gặp trong giai đoạn mở đầu đàm phán
- 5.3. Giải quyết xung đột trong đàm phán
  - 5.3.1. Mục đích giải quyết xung đột
  - 5.3.2. Cơ sở của việc giải quyết xung đột
  - 5.3.3. Kỹ thuật truyền đạt thông tin
  - 5.3.4. Quan sát phản ứng của đối tượng đàm phán
  - 5.3.5. Những khó khăn trong khâu giải quyết xung đột

**Chương 6. Giao tiếp và giải quyết xung đột trong giao dịch kinh doanh**  
**(LT/BT/TH: 5/3/15)**

- 6.1. Kỹ năng giao tiếp theo nhóm và trong tổ chức
  - 6.1.1. Các loại hình giao tiếp
  - 6.1.2. Kỹ năng giao tiếp trong nhóm
  - 6.1.3. Kỹ năng giao tiếp trong tổ chức
- 6.2. Quy ước giao dịch
  - 6.2.1. Giao dịch bằng thư tín
  - 6.2.2. Giao dịch bằng thiệp mời
- 6.3. Những quy tắc và phương pháp trò chuyện trong giao dịch

**9. Số tiết phân bổ:**

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 5                           | 2                        | 10        |
| Chương 2         | 5                           | 2                        | 15        |
| Chương 3         | 5                           | 2                        | 15        |
| Chương 4         | 5                           | 3                        | 15        |
| Chương 5         | 5                           | 3                        | 20        |
| Chương 6         | 5                           | 3                        | 15        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

## **10. Tài liệu tham khảo:**

### **10.1. Tài liệu tham khảo chính**

1. Elizebeth M. Christopher (Người dịch: Minh Quang), *Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh*, NXB Hải Phòng, 2003.
2. Kerry Patterson (Minh Hiếu dịch), *Những cuộc đàm phán quyết định: Bí quyết để đàm phán đạt hiệu quả cao*, NXB Thế giới, 2003.

### **10.2. Tài liệu tham khảo**

1. *Giao tiếp trong quản lý (2006)*, Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.
2. Phạm Quang Vinh (Biên dịch), *Đàm phán theo phong cách Trump (2007)*, NXB Văn hoá thông tin.
3. Trần Sinh- Minh Châu, *100 sách lược đàm phán (2005)*, NXB Thanh Hoá.
4. Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì / Cohen Herb; Người dịch: Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi, NXB Lao động - Xã hội, 2003.
5. PGS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, *Đàm phán trong kinh doanh quốc tế (2006)*, NXB Thống kê.
6. *Đàm phán trong kinh doanh - Cạnh tranh hay hợp tác (2006)*, Business Edge - Bộ sách tăng hiệu quả làm việc cá nhân, NXB Trẻ.

## **11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## **12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

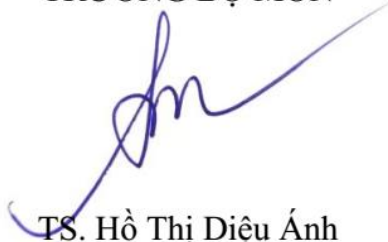
## **14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Thị Lệ Thúy  
TS. Trần Tú Khánh  
TS. Thái Thị Kim Oanh  
NCS. Đào Quang Thắng

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI \_3 (2,1)**

**2. Mã số môn học: QLTĐ - 721**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Học phần Quản lý sự thay đổi trang bị cho học viên chuyên ngành Quản lý kinh tế hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi.

**7. Mục tiêu của môn học:** Giúp học viên nhận thức được tính tất yếu của sự thay đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là trong các hoạt động kinh tế; Những nhân tố tác động, thúc đẩy sự thay đổi trong tổ chức; Nguồn gốc của sự thay đổi cũng như ảnh hưởng của chúng tới tổ chức. Ngoài ra, môn học còn giúp học viên có được cách thức tiếp cận, xử lý, khai thác và kiểm soát thay đổi một cách khoa học, nhằm gia tăng giá trị của tổ chức.

**8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI \_3 (2,1)**

### **Chương 1. Tổng quan về sự thay đổi (LT/BT/TH: 5/3/18)**

**1.1. Tại sao phải thay đổi**

1.1.1. Quy luật tất yếu phải thay đổi

1.1.2. Sự thay đổi và phát triển

**1.2. Sự thay đổi trong tổ chức**

1.2.1. Khái lược về sự thay đổi

- 1.2.2. Các phương thức thay đổi của tổ chức
- 1.2.3. Các tác nhân dẫn đến sự thay đổi trong tổ chức
- 1.2.4. Những nguồn lực cần thiết cho sự thay đổi trong tổ chức

## **Chương 2. Các mô hình quản lý sự thay đổi trong tổ chức** **(LT/BT/TH: 5/4/18)**

- 2.1. Mô hình của Lewin
  - 2.1.1. Phá vỡ sự đông cứng của hiện tại
  - 2.1.2. Thay đổi hiện trạng
  - 2.1.3. Tái đông cứng
- 2.2. Mô hình của Beckhard và Hennis
  - 2.2.1. Công thức đổi mới
  - 2.2.2. Các nhân tố tác động tới mô hình
  - 2.2.3. Các lực kháng cự
- 2.3. Mô hình của Nadler và Tushman
  - 2.3.1. Mô hình sự phù hợp
  - 2.3.2. Quản lý hiệu quả các yếu tố của mô hình
- 2.5. Mô hình của Kotter
  - 2.5.1. Tạo tính cấp bách
  - 2.5.2. Tạo lập nhóm dẫn đường
  - 2.5.3. Thiết lập tầm nhìn
  - 2.5.4. Truyền đạt tầm nhìn
  - 2.5.5. Trao quyền
  - 2.5.6. Tạo thắng lợi ngắn hạn
  - 2.5.7. củng cố và tạo thêm thay đổi
  - 2.5.8. Thay đổi văn hóa công ty

## **Chương 3. Thực hiện sự thay đổi** **(LT/BT/TH: 5/4/18)**

- 3.1. Thay đổi trong tổ chức
  - 3.1.1. Con đường thay đổi
  - 3.1.2. Điểm khởi đầu của thay đổi
  - 3.1.3. Các đối tượng thay đổi
  - 3.1.4. Các kiểu quản lý sự thay đổi
- 3.2. Đòn bẩy của sự thay đổi
- 3.3. Người lãnh đạo sự thay đổi

**Chương 4. Phân tích bối cảnh, thiết lập và quản trị quá trình  
chuyển tiếp trong tổ chức  
(LT/BT/TH: 15/4/36)**

**4.1. Phân tích bối cảnh sự thay đổi**

- 4.1.1. Thời gian
- 4.1.2. Quy mô sự thay đổi
- 4.1.3. Mức độ duy trì
- 4.1.4. Mức độ đa dạng trong tổ chức
- 4.1.5. Năng lực quản trị sự thay đổi
- 4.1.6. Nguồn lực của tổ chức
- 4.1.7. Sự sẵn sàng để thay đổi
- 4.1.8. Quyền lực trong tổ chức

**4.2. Yêu cầu của quá trình chuyển tiếp**

- 4.2.1. Viễn cảnh
- 4.2.2. Rào cản đối với sự thay đổi
- 4.2.3. Thiết kế quá trình chuyển tiếp
- 4.2.4. Liên kết quá trình chuyển tiếp của cá nhân với tổ chức
- 4.2.5. Huy động để thay đổi
- 4.2.6. Thiết lập và sắp xếp các đòn bẩy
- 4.2.7. Liên kết quá trình chuyển tiếp và các lựa chọn thay đổi

**4.3. Đòn bẩy và các biện pháp can thiệp trong thiết lập quá trình chuyển tiếp**

- 4.3.1. Giao tiếp trong quá trình thay đổi (Ngôn ngữ lời và các hoạt động biểu trưng)
- 4.3.2. Xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực (Chu kỳ nhân lực ngắn hạn và dài hạn)
- 4.3.3. Mối liên kết giữa giao tiếp, các biện pháp can thiệp nhân sự và các lựa chọn thay đổi

**4.4. Quản trị quá trình chuyển tiếp trong tổ chức**

- 4.4.1. Bản chất của quá trình chuyển tiếp
- 4.4.2. Cơ chế giám sát sự thay đổi
- 4.4.3. Người lãnh đạo sự thay đổi: các kỹ năng và phẩm chất
- 4.4.4. Nhà quản lý cấp trung
- 4.4.5. Người tiếp nhận sự thay đổi

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 5                           | 3                        | 18        |
| Chương 2         | 5                           | 4                        | 18        |
| Chương 3         | 5                           | 4                        | 18        |
| Chương 4         | 15                          | 4                        | 36        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Armand V. Feigenbaum, Donald S. Feigenbaum, (Người dịch: Hoàng Sơn, Thanh Ly; Hiệu đính: Nguyễn Ngọc Oanh Vũ), *Sức mạnh của sự đổi mới quản lý - The power of Management Innovation*, NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2006
2. Michael D. Maginn, *Quản lý vào những thời điểm diễn ra thay đổi - Managing in times of change*, NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2003.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Balogun, J. & Hailey, V. H., *Exploring Strategic Change*, 3rd ed, Financial Times Prentice Hall: Harlow, 2008.
2. Huczynski, A. A. & Buchanan, D. A., *Organisational Behaviour*, 6th ed, Pearson Education: Milan, 2007.
3. Stone, R. J., *Human Resource Management*, 6th ed, John Wiley & Sons Australia: Milton, 2008.
4. *Thay đổi và phát triển doanh nghiệp*, Giáo trình, chủ biên : PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, NXB, Phụ nữ, 2009
5. *Quản lý sự thay đổi*, Robert Heller, NXB. Tổng hợp, TP.Hồ Chí Minh, 2005

## 11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

## 12. Các quy định khác đối với môn học:

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

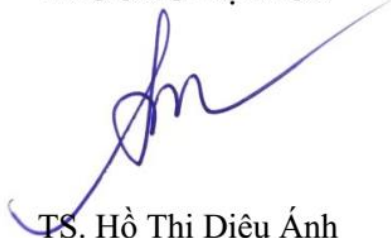
**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** PGS.TS. Bùi Văn Dũng  
TS. Nguyễn Thị Hải Yến  
TS. Nguyễn Hoài Nam  
TS. Trần Thị Hoàng Mai

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM\_3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLBV - 722**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những kiến thức về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, (tiền trình, khái niệm, nội dung và các nguyên tắc phát triển kinh tế bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam).

**7. Mục tiêu của môn học:**

Giúp học viên có hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển kinh tế bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người.

Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kinh tế phát triển.

**8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM\_3(2,1)**

**Chương 1. Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế  
về phát triển bền vững  
(LT/BT/TH: 6/5/18)**

**1.1. Khái niệm và nội dung phát triển kinh tế bền vững**

**1.1.1. Một số khái niệm và phạm trù cơ bản**

- 1.1.2. Nội dung của phát triển kinh tế bền vững
- 1.1.3. Các điều kiện đảm bảo phát triển bền vững
- 1.2. Một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế bền vững
  - 1.2.1. Kinh nghiệm của một số nước
  - 1.2.2. Bài học rút ra cho Việt Nam

**Chương 2. Thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam  
và những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững  
(LT/BT/TH: 12/5/36)**

- 2.1. Quá trình đổi mới tư duy về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam
  - 2.1.1. Khái lược về phát triển kinh tế Việt Nam trước đổi mới
  - 2.1.2. Những nội dung cơ bản về đổi mới tư duy phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay
- 2.2. Đánh giá về phát triển kinh tế bền vững
  - 2.2.1. Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế
  - 2.2.2. Tốc độ lan tỏa của tăng trưởng kinh tế đến các vấn đề xã hội, môi trường
  - 2.2.3. Những thay đổi về cơ cấu kinh tế
  - 2.2.4. Mức độ phát triển kinh tế bền vững của các ngành kinh tế chủ yếu
- 2.3. Những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam
  - 2.3.1. Tăng trưởng kinh tế chưa đạt mức tiềm năng
  - 2.3.2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm chạp
  - 2.3.3. Hiệu ứng lan tỏa của tăng trưởng kinh tế đến các vấn đề xã hội chủ yếu chưa bền vững

**Chương 3. Quan điểm và giải pháp đảm bảo sự phát triển  
kinh tế bền vững ở Việt Nam  
(LT/BT/TH: 12/5/36)**

- 3.1. Bối cảnh mới và quan điểm về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam
  - 3.1.1. Bối cảnh quốc tế
  - 3.1.2. Bối cảnh trong nước
- 3.2. Những định hướng giải pháp cơ bản đảm bảo phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam
  - 3.2.1. Tiếp tục tạo môi trường chính trị - xã hội, pháp lý thuận lợi và ổn định

3.2.2. Hoàn thiện công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển

3.2.3. Phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực nhằm phát triển nền kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nước ta

3.2.4. Đẩy mạnh hoạt động thương mại nhằm phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

3.2.5. Hoàn thiện thể chế chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

3.2.6. Những giải pháp thúc đẩy quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp

3.2.7. Những giải pháp đảm bảo sự công bằng trong phát triển, giảm bớt sự phân hóa giàu - nghèo và chênh lệch mức sống nông thôn - thành thị

3.2.8. Những giải pháp nhằm công khai, minh bạch thông tin kinh tế để dự báo và cảnh báo kịp thời những tác động tiêu cực đến tính bền vững của phát triển kinh tế.

## 9. Số tiết phân bổ:

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                       |           |
|------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận (Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 6                           | 5                     | 18        |
| Chương 2         | 12                          | 5                     | 36        |
| Chương 3         | 12                          | 5                     | 36        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>             | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Bùi Văn Dũng, *Giáo trình Phát triển bền vững*, NXB Đại học Vinh, 2014.
2. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh, *Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động*, Nxb Khoa học xã hội, 2009.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2004, *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt

Nam), Hà Nội, tháng 8 năm 2004.

2. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh: *Phát triển bền vững từ quan niệm đến hành động*. Nxb Khoa học xã hội, 2009.

3. Nguyễn Đình Hòe, *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục, 2009.

4. Nguyễn Văn Động, *Xây dựng và phát hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, NXB Tư pháp, 2010.

**11. Phương pháp đánh giá môn học:**

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%
- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC**

**Dự kiến cán bộ giảng dạy:** TS. Nguyễn Thị Lệ Thúy  
TS. Hồ Thị Diệu Ánh  
TS. Thái Thị Kim Oanh  
NCS. Trần Văn Hào

**1. Tên môn học: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC\_ 3(2,1)**

**2. Mã số môn học: QLCL - 723**

**3. Số tín chỉ: 03**

**4. Bộ môn phụ trách:** Bộ môn Quản trị kinh doanh, khoa Kinh tế

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thảo luận (thực hành), xemina, bài tập: 15 tiết
- Tự học: 90 tiết

**6. Mô tả tóm tắt môn học:** Học theo chương trình tự chọn do Khoa Kinh tế biên soạn. Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại để chuyển tải những nội dung, công cụ quản lý chiến lược nhằm giúp các tổ chức phát triển một cách có hiệu quả và bền vững.

**7. Mục tiêu của môn học:**

Là học phần tự chọn, trang bị cho người học những kiến thức về quản lý chiến lược để các nhà quản lý có thể hoạch định được các mục tiêu phát triển của mình trong tương lai và thực hiện được các mục tiêu một cách có hiệu quả và bền vững.

**8. Nội dung của môn học: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC- 3(2,1)**

### **Chương 1. Tổng quan về quản lý chiến lược (LT/BT/TH: 4/2/12)**

1.1. Các khái niệm cơ bản về chiến lược và quản lý chiến lược

1.1.1. Khái niệm chiến lược

1.1.2. Quản lý chiến lược

1.2. Vai trò và các cấp của quản lý chiến lược

- 1.2.1. Vai trò quản lý chiến lược
- 1.2.2. Các cấp quản lý chiến lược
- 1.3. Quá trình của quản lý chiến lược
  - 1.3.1. Hoạch định chiến lược
  - 1.3.2. Tổ chức thực hiện chiến lược
  - 1.3.3. Kiểm soát chiến lược

## **Chương 2. Triết học quản lý và mục tiêu chiến lược** **(LT/BT/TH: 4/2/12)**

- 2.1. Triết học quản lý
  - 2.1.1. Khái niệm và bản chất
  - 2.1.2. Vai trò của triết lý quản lý
  - 2.1.3. Nội dung triết lý quản lý
- 2.2. Mục tiêu chiến lược
  - 2.2.1. Khái niệm và phân loại
  - 2.2.2. Căn cứ và yêu cầu xác định hệ thống mục tiêu chiến lược
  - 2.2.3. Nội dung mục tiêu chiến lược
  - 2.2.4. Quá trình quản lý theo các mục tiêu chiến lược
- 2.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức quản lý
  - 2.3.1. Trách nhiệm xã hội
  - 2.3.2. Chiến lược và đạo đức quản lý

## **Chương 3. Phân tích và đánh giá môi trường tổ chức** **(LT/BT/TH: 4/2/12)**

- 3.1. Phân tích môi trường bên ngoài
  - 3.1.1. Môi trường quốc tế
  - 3.1.2. Môi trường quốc gia
  - 3.1.3. Môi trường ngành
- 3.2. Đánh giá kết quả phân tích môi trường bên ngoài
  - 3.2.1. Một số phương pháp đánh giá môi trường bên ngoài
  - 3.2.2. Xây dựng hệ thống thông tin bên ngoài (EIS)
  - 3.2.3. Trách nhiệm của các cấp quản lý với phân tích môi trường bên ngoài
- 3.3. Phân tích môi trường bên trong

- 3.1.1. Phân tích theo các chức năng hoạt động
- 3.1.2. Phân tích theo mô hình chuỗi giá trị
- 3.4. Đánh giá kết quả phân tích môi trường bên trong
  - 3.2.1. Một số phương pháp đánh giá môi trường bên trong
  - 3.2.2. Xây dựng hệ thống thông tin nội bộ
- 3.5. Các công cụ định hướng chiến lược dựa vào kết quả phân tích môi trường
  - 3.3.1. Ma trận SWOT
  - 3.3.2. Ma trận IE

## **Chương 4. Năng lực cạnh tranh và các chiến lược**

### **(LT/BT/TH: 6/2/18)**

- 4.1. Năng lực cạnh tranh
  - 4.1.1. Khái niệm và đặc trưng của năng lực cạnh tranh
  - 4.1.2. Các nhân tố tạo năng lực cạnh tranh
  - 4.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh
  - 4.1.4. Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh
- 4.2. Các chiến lược chức năng
  - 4.2.1. Khái niệm và vai trò
  - 4.2.2. Nội dung các chiến lược chức năng
- 4.3. Các chiến lược cạnh tranh
  - 4.3.1. Chiến lược cạnh tranh theo quan điểm truyền thống
  - 4.3.2. Các chiến lược cạnh tranh theo quan điểm mới
- 4.4. Các chiến lược phát triển
  - 4.4.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung
  - 4.4.2. Chiến lược hợp nhất
  - 4.4.3. Chiến lược đa dạng hóa
  - 4.4.4. Chiến lược toàn cầu

## **Chương 5. Các công cụ lựa chọn chiến lược**

### **(LT/BT/TH: 4/2/12)**

- 5.1. Các công cụ danh mục quản lý vốn đầu tư
  - 5.1.1. Ma trận BCG
  - 5.1.2. Ma trận GE

- 5.1.3. Ma trận chu kỳ phát triển ngành
- 5.2. Các công cụ lựa chọn chiến lược cạnh tranh
  - 5.2.1. Ma trận dựa vào sự nhạy cảm về giá và khác biệt hóa sản phẩm
  - 5.2.2. Ma trận số lượng và lợi thế quy mô cạnh tranh
- 5.3. Các công cụ lựa chọn chiến lược phát triển
  - 5.3.1. Ma trận chiến lược chính
  - 5.3.2. Ma trận SPACE
  - 5.3.3. Ma trận QSPM

## **Chương 6. Thiết kế cấu trúc tổ chức phù hợp với chiến lược**

**(LT/BT/TH: 4/2/12)**

- 6.1. Cấu trúc tổ chức và chiến lược
  - 6.1.1. Vai trò của cấu trúc tổ chức với thực thi chiến lược
  - 6.1.2. Mối quan hệ giữa cấu trúc tổ chức và chiến lược
- 6.2. Các mô hình cấu trúc tổ chức
  - 6.2.1. Cấu trúc tổ chức phân theo chiều dọc
  - 6.2.2. Cấu trúc tổ chức phân theo chiều ngang
- 6.3. Xây dựng hệ thống chính sách và môi trường văn hóa hỗ trợ thực hiện chiến lược
  - 6.3.1. Hệ thống chính sách
  - 6.3.2. Xây dựng văn hóa tổ chức

## **Chương 7. Kiểm soát chiến lược**

**(LT/BT/TH: 4/3/12)**

- 7.1. Bản chất của quá trình kiểm soát chiến lược
  - 7.1.1. Ý nghĩa của kiểm soát chiến lược
  - 7.1.2. Yêu cầu của quá trình kiểm soát chiến lược
- 7.2. Quá trình kiểm soát chiến lược
  - 7.3.1. Xác định nội dung kiểm soát
  - 7.3.2. Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm soát
  - 7.3.3. Đo lường các kết quả thực hiện
  - 7.3.4. Đánh giá và thực hiện các điều chỉnh
- 7.3. Các công cụ kiểm soát chiến lược
  - 7.3.1. Thẻ cân bằng điểm (BSC)\_

7.3.1. Phân tích danh mục kinh doanh

7.3.2. Phương pháp giá trị cổ đông

## 9. Số tiết phân bổ

| Nội dung môn học | Phân bổ số tiết của môn học |                          |           |
|------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------|
|                  | Lý thuyết                   | Thảo luận<br>(Thực hành) | Tự học    |
| Chương 1         | 4                           | 2                        | 12        |
| Chương 2         | 4                           | 2                        | 12        |
| Chương 3         | 4                           | 2                        | 12        |
| Chương 4         | 6                           | 2                        | 18        |
| Chương 5         | 4                           | 2                        | 12        |
| Chương 6         | 4                           | 2                        | 12        |
| Chương 7         | 4                           | 3                        | 12        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b>                   | <b>15</b>                | <b>90</b> |

## 10. Tài liệu tham khảo:

### 10.1. Tài liệu tham khảo chính

1. PGS.TS. Nguyễn Thành Độ, TS. Nguyễn Ngọc Huyền, *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội, 2002.
2. Hoàng Văn Hải, Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Mạnh Tuấn, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, 2013.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Lan Anh, *Quản lý chiến lược*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004.
2. Lý Đông, Tống Chí Bình, *Cạnh tranh và ưu thế cạnh tranh*, NXB Lao động - xã hội, Hồ Chí Minh, 2004.
3. PGS.TS Dương Thị Liễu, *Giáo trình Văn hóa kinh doanh*, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2011.
4. PGS.TS. Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2013.

## 11. Phương pháp đánh giá môn học:

- Điểm chuyên cần, thái độ: 20%

- Điểm kiểm tra giữa môn học: 30%
- Thi kết thúc môn học hoặc tiểu luận: 50%

**12. Các quy định khác đối với môn học:**

**13. Ngày phê duyệt: 16/02/2017**

**14. Cấp phê duyệt**

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Thị Diệu Ánh